

CHƯƠNG V

NĂM KỆ

(PAÑCANIPĀTA)

I. PHẨM BÔNG TAI BẰNG NGỌC

(MAṆIKUṆḌALAVAGGA)

§351. CHUYỆN BÔNG TAI BẰNG NGỌC (*Maṇikuṇḍalajātaka*) (J. III. 153)

Bị cướp hết niềm vui cuộc sống...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một ông quan phạm tội thông gian trong hậu cung của vua xứ Kosala. Trường hợp xảy ra câu chuyện này đã được kể đầy đủ trước đây.¹

Ở đây cũng thế, Bô-tát là vua ở Ba-la-nại. Ông quan xấu xa kia đến với vua xứ Kosala và khuyên vua đánh chiếm vương quốc Kāsi, rồi bắt Bô-tát bỏ vào ngục. Đức vua xứ Ba-la-nại phát triển thiên định và ngồi bắt tréo chân ở trên không. Ông vua cướp nước kia bị nóng sốt toàn thân, liền đến gần vua xứ Ba-la-nại và đọc bài kệ đầu:

1. Bị cướp hết niềm vui cuộc sống,
Hết hoa tai, lọng ngọc, ngựa, xe,
Vợ yêu, con dấu mất đi,
Xem ra ngài chẳng tỏ chi phiền hà!²

Nghe thế, Bô-tát liền đọc các bài kệ sau:

2. Thú vui sẽ vội rời ta,
Thú vui rồi sẽ bay xa mây hồi,
Vua kia tự hóa buồn thôi,
Như vầng trăng hiện trên trời, trăng non,
Đầy dần cho đến lúc tròn,
Khuyết đi rồi lại chẳng còn trăng đâu!

¹ Xem J. II. 401, *Seyyajāta* (Chuyện điều tốt hơn), số §282; J. III. 15, *Ekarājajātaka* (Chuyện vị Thánh vương), số §303.

² Xem Mnid. 116, *Jarāsuttaniddeso* (Diễn giải kinh về sự già); MNid. 401, *Attadaṇḍasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về hạnh của bản thân).

3. Sười cho vạn vật tươi màu,
Mặt trời vội lặn bên bầu trời xa,
Luật đời là đổi thay mà,
Khổ đau không thể làm ta bận lòng.

Thế rồi, Bô-tát giảng chân lý cho ông vua cướp nước kia nghe và đem đức hạnh của mình ra thử thách, ngài đọc các bài kệ sau:

4. Ghét thường nhân tham dục,
Vẫn theo thói biếng lười,
Kẻ tu hành giả mặt,
Phường xảo quyết đẩy thôi!
5. Hôn quân thường xử án,
Mà chẳng chịu lắng nghe,
Bạc trí mà nổi sân,
Như vậy là không tốt.
Chiếu vương phán một lời,
Cân nhắc thật hẳn hoi,
Chính chuyên lời phán ấy,
Vang danh mãi trên đời.

Vua xứ Kosala được Bô-tát tha thứ, và sau khi trao trả lại vương quốc cho Bô-tát, ông quay về xứ của mình.

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bây giờ, Ānanda là vua xứ Kosala, còn Ta chính là vua xứ Ba-la-nại.

§352. CHUYỆN CHÀNG SUJĀTA (*Sujātajātaka*)³ (J. III. 155)

Sao con lại vội mang...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một người chủ đất có cha chết.

Khi cha ông mất, ông buồn bã đi khắp nơi, chẳng thể nào vui được cơn sầu. Bậc Đạo sư nhận thấy người đàn ông này có khả năng đạt quả Giải thoát, cho nên khi Ngài vào thành Xá-vệ để khát thực, Ngài cùng với một thị giả đến nhà ông ta. Ngồi vào chỗ đã soạn sẵn cho Ngài, Ngài cúi xuống nói với gia chủ cũng đang ngồi đấy:

– Này cư sĩ, phải chăng ông đang sầu khổ?

Người ấy đáp:

– Vâng, bạch Thế Tôn, đúng như thế.

³ Xem PvA. 38, *Gonapetavattthuvannanā* (Chú giải Chuyện ngựa quý bò).

Ngài dạy:

– Nay bằng hữu, các bậc Hiền trí ngày xưa đã nghe lời nói trí tuệ của người chính trực và khi họ mất cha, họ không sầu khổ.

Rồi do thỉnh cầu của gia chủ, Ngài kể một chuyện tiền kiếp.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh vào nhà một gia chủ nọ. Ngài được gọi là Sujātakumāra (nam tử Sujāta). Khi ngài lớn lên thì ông nội của ngài mất. Từ ngày lão gia mất, thân phụ ngài rất sầu khổ. Ông lấy hài cốt của cha từ nơi hỏa táng rồi xây một nấm mồ trong vườn thượng ngọan của ông và đặt di cốt vào đấy. Mỗi khi đến thăm chỗ ấy, ông trang hoàng hoa lên mộ rồi mãi miết than khóc. Ông chẳng tắm rửa, chẳng xúc dầu thơm, cũng chẳng để ý đến việc kinh tài. Quan sát việc này, Bồ-tát tự nghĩ: “Từ khi ông nội ta mất, cha ta đi đâu cũng cứ đắm chìm trong sầu muộn. Ta chắc rằng chẳng ai ngoài ta ra có khả năng khuyên nhủ được người. Ta sẽ tìm cách giải thoát cho người khỏi cơn sầu khổ.” Thế rồi, khi trông thấy con bò đực nằm chết ở bên ngoài thành phố, ngài mang cỏ và nước tới đặt trước con bò ấy và nói:

– Ăn đi, uống đi! Ăn đi, uống đi!

Mọi người đi qua thấy thế đều bảo:

– Nay Sujāta, bạn điên đấy ư? Bạn đưa cỏ và nước cho một con bò chết ư?

Nhưng ngài không đáp một tiếng nào. Vì thế, họ đến bảo với thân phụ ngài:

– Con trai của ông bị điên rồi, anh ta lấy cỏ và nước đem cho một con bò chết đấy.

Nghe thế, người chủ đất ngưng sầu than cha mình mà lại bắt đầu sầu than đưa con trai. Ông vội chạy đến và kêu lên:

– Nay Sujāta, con không được bình thường đấy ư? Sao con lại đưa cỏ cho cái xác bò chết?

Rồi ông đọc hai bài kệ sau:

6. Sao con lại vội mang,
Cho con vật đã chết,

7. Không có thức ăn gì,
Lời con vợ vẫn thật,

Bây giờ, Bồ-tát đọc hai bài kệ:

8. Con vật này hẳn rồi,
Vì đủ cả đầu đuôi,

9. Còn ông nội, rõ ràng,
Kẻ khùng nào khóc than?

Cỏ mới cắt ngọt ngon,
Lại kêu: “Dậy mà ăn”?

Hồi sinh một bò chết,
Và do bởi mê si.

Vẫn còn đường sống lại,
Và bốn chân còn đấy.

Đầu, tay, chân đã mất,
Chỉ có cha độc nhất!

Nghe thế, thân phụ của Bồ-tát tự nghĩ: “Con ta thật thông tuệ. Nó biết điều gì đúng cần làm cho đời này và cho cả đời sau. Nó đã làm thế để khuyên nhủ ta.” Rồi ông bảo:

– Nay Sujāta, con trai yêu dấu và khôn ngoan của ta, ta đã hiểu được rằng mọi sự vật đang hiện hữu đều là vô thường. Từ nay ta sẽ không sầu khổ. Một đứa con như thế này hẳn là kẻ làm cho cha mình hết sầu khổ.

Đề ca ngợi con trai, ông nói:

10-11. Như lửa dầu đang trong con cháy mạnh,
Nước đổ vào liền bị tắt ngay đi,
Cõi lòng ta đang nhức nhối sầu bi,
Con ta đã chữa lành đời ta sáng.⁴

12-13. Gai đã nhỏ, tươi vui và tĩnh lặng,
Ta hết sầu, nghe lời của con ta,
Bậc thiện hiền khiến đời dứt phiền hà,
Cứu thân phụ như Sujā thông tuệ.

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế. Ở phần kết thúc tứ đế, người chủ đất đắc quả Dự lưu. Và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bây giờ, Ta là Sujāta.

§353. CHUYỆN CÀNH CÂY TỎA RỘNG (*Dhonasākhajātaka*)⁵ (J. III. 157)

Nay dù bạn bình an, hạnh phúc...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại rừng Bhesakalā, gần Sumsumāragiri (núi Cá Sấu) trong xứ của bộ tộc Bhaggā. Chuyện kể về Vương tử Bodhi (Bồ-đề).

Vương tử này là con Vua Udena, bây giờ đang sống tại Sumsumāragiri. Ông cho mời một người thợ thật giỏi, bảo xây cho mình một cung điện gọi là Kokanada và làm cho nó khác cung điện của bất cứ ông vua nào. Về sau, ông tự nghĩ: “Tên thợ này có thể xây một cung điện như thế cho một ông vua khác.” Và do lòng đố kỵ, ông móc đôi mắt của người thợ ấy đi.

Các Tỷ-kheo biết được chuyện ấy. Họ bàn thảo trong pháp đường:

⁴ Xem J. III. 214, *Migapotakajātaka* (Chuyện chủ nai con), số §372; J. III. 389, *Somadattajātaka* (Chuyện voi con Somadatta), số §410; J. IV. 84, *Ghatajātaka* (Chuyện Trĩ già Ghata), số §454; VvA. 322, *Maṭṭhakundalīvimānavannanā* (Chủ giải Chuyện lâu đài của vị thiên tử đeo vòng tai sáng chói); PvA. 38, *Gonāpetavatthuvannanā* (Chủ giải Chuyện ngựa quý bò); PvA. 93, *Kaṇhapetavatthuvannanā* (Chủ giải Chuyện ngựa quý Đại vương Kaṇha); PvA. 93, *Maṭṭhakundalīpetavatthuvannanā* (Chủ giải Chuyện ngựa quý đeo vòng tai sáng chói); PvA. 161, *Ubbaripetavatthuvannanā* (Chủ giải Chuyện ngựa quý Hoàng hậu Ubbari).

⁵ Bản Tích Lan và Campuchia viết *Dhonasākhajātaka*. Bản CST và Thái Lan viết *Venasākhajātaka*. Xem J. II. 202, *Cullanandiyajātaka* (Chuyện con khỉ Cullanandiya), số §222.

– Này các Hiền giả, Vương tử Bodhi đã móc mắt của người thợ như thế, như thế. Chắc chắn ông ta là một người tàn nhẫn, dữ dằn, hung bạo.

Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỷ-kheo đang bàn chuyện gì. Khi nghe thuật lại, Ngài dạy:

– Không chỉ bây giờ mà xưa kia tánh ông ta cũng như vậy. Ngày xưa cũng bằng cách như thế, ông ta đã móc mắt của một ngàn chiến sĩ và sau khi giết chết họ, ông đã đem thịt của họ ra tế lễ.

Rồi Ngài kể cho các Tỷ-kheo một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một giáo sư lừng danh tại Takkasilā. Các thanh thiếu niên thuộc giai cấp quý tộc, võ tướng và Bà-la-môn từ khắp nước Ấn Độ đến với ngài để được ngài dạy các học nghệ. Con vua xứ Ba-la-nại là Hoàng tử Brahmadatta cũng thế, được ngài dạy ba tập Vệ-đà. Ông ta là một kẻ tàn nhẫn, dữ dằn, hung bạo. Do tài tiên đoán, Bồ-tát biết được tính ấy của hoàng tử nên bảo:

– Này bạn, bạn tàn nhẫn, dữ dằn, hung bạo, và thực ra, quyền lực mà kẻ hung bạo đạt được không lâu dài. Khi quyền lực mất đi, người ấy giống như một chiếc tàu gặp nạn ngoài khơi, sẽ không đến bến bờ nào an ổn cả. Do đó, bạn chớ giữ tính tình như vậy.

Rồi ngài đọc hai bài kệ sau đây để khuyến dụ:

14. Nay dù bạn bình an hạnh phúc,
Hạnh phúc kia mấy chốc chẳng còn,
Của mất đi chớ khổ buồn,
Như người đi biển bão dòn ném xa.
15. Theo hành vi, chúng ta xuôi hướng,
Mùa gặt theo như hạt giống gieo,
Hai đàng ta phải nhận vào,
Cỏ hoang độc hại, cây cao tốt lành.

Thế rồi, hoàng tử từ biệt thầy và trở về Ba-la-nại. Sau khi trở tài nghệ cho vua xem, ông được giao chức phó vương và khi vua cha chết, ông nối ngôi trị vì vương quốc. Vị giáo sĩ của nhà vua là một người tàn nhẫn, dữ dằn. Vì tham danh vọng, ông tự nghĩ: “Nếu ta khiến cho cho tất cả các nhà lãnh đạo của toàn Ấn Độ bị ông vua này bắt hết và nếu bấy giờ ông ta là hoàng đế độc nhất thì ta sẽ là giáo sĩ độc nhất.”

Thế là ông làm cho vua nghe theo lời ông. Vua đem đại quân tiến ra, bao vây kinh đô của một vua kia rồi bắt giữ vua ấy. Bằng những cách thức tương tự, ông chiếm hết toàn lãnh thổ Ấn Độ và cùng với một ngàn ông vua trong đoàn của ông, ông tiến đánh vùng Takkasilā. Bồ-tát sửa sang các thành lũy để ngăn quân thù xâm nhập.

Vua xứ Ba-la-nại đặt bộ tham mưu của ông ở dưới gốc cây đa to lớn. Ông truyền dựng mái đình che phía trên, xung quanh có vây màn và có chỗ nằm trải sẵn cho ông. Khi chiến đấu trên các đồng bằng Ấn Độ, ông đã bắt được một ngàn vua, nhưng ông lại không thể tấn công vào Takkasilā được. Ông bèn hỏi vị giáo sĩ:

– Chúng ta đã đến đây cùng với đạo quân gồm các vua bị bắt nhưng chúng ta vẫn không thể chiếm được Takkasilā. Bây giờ phải làm sao?

Giáo sĩ trả lời:

– Tâu Đại vương, hãy móc mắt một ngàn vua kia, mổ bụng họ ra và lấy thịt họ cùng với năm món thơm ngon làm lễ cúng dâng vị thần cây đa này! Hãy đào một cái rãnh quanh cây và đổ máu cho ngập tới khoảng một tấc! Và như thế chẳng bao lâu chiến thắng sẽ về ta.

Vua sẵn sàng chấp thuận. Vua giấu kín các võ sĩ khỏe mạnh đằng sau bức màn rồi cho họ gọi riêng từng ông vua kia. Các võ sĩ dùng hai cánh tay siết từng người cho đến khi họ ngất đi, rồi vua sai móc mắt họ. Sau khi họ chết, vua cho mang xác ra ném ngoài sông Hằng. Thế rồi vua tổ chức tế lễ như đã nói trên, sau đó, sai đánh trống và mang quân ra trận.

Bỗng một tên quý dạ-xoa từ tháp canh xông tới móc con mắt phải của vua ra. Vua quá đau đớn đến điên cuồng liền đến năm sông sục trên giường dành riêng cho ông ta dưới gốc cây đa.

Lúc bấy giờ, một con kên kên cắp một cái xương nhọn rồi đậu trên đọt cây ấy. Khi đang ăn thịt nó để rớt cái xương và đầu nhọn rơi xuống như dùi sắt trúng con mắt trái của vua, hủy luôn con mắt ấy. Lúc bấy giờ, vua nhớ lại lời dạy của Bồ-tát, ông tự nhủ: “Thầy ta đã từng nói: ‘Người đời phải thọ kết quả tùy theo các việc làm của mình, cũng như trái cây hình thành tùy theo hạt giống vậy’, hẳn là người đã thấy tất cả sự việc này bằng con mắt trí tuệ nên nói như thế.”

Trong khi đang sầu đau, ông nói với giáo sĩ Pīṇḍiya qua hai bài kệ sau:

16. Nay mới hiểu lẽ chân thầy dạy,
Từ lúc ta trẻ tuổi đại ngây,
“Chớ gây tội ác, có ngày,
Người làm việc xấu bị đày đọa thôi.”

17. Nằm ở dưới tàng cây bóng mát,
Tắm dầu thơm ngào ngạt chiên-đàn,
Địch vương, ta giết cả ngàn,
Nổi đau họ chịu, ta đang chịu cùng.

Khi khóc than như thế, vua nhớ đến hoàng hậu của ông và đọc bài kệ này:

18. Ubbarī mận mà,	Ôi, hoàng hậu của ta,
Dáng người trông yếu điệu,	Như cành moringa,
Tay chân nàng thơm ngát,	Ướp dầu hương chiên-đàn,

Làm sao ta sống nổi,
Ồi, chết không tàn khốc,

Khi chẳng thấy được nằng?
Bằng nổi này đau thương!

Trong khi còn đang lằm thắm các lời trên, vua chết đi và tái sinh vào địa ngục. Vị giáo sĩ tham quyền ấy không thể cứu được ông ta, ngay cả ông ta với quyền lực của mình vẫn không tự cứu được chính mình. Ngay khi vua chết đi, quân đội của ông tan vỡ và tháo chạy.

Bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng và nhận diện tiền thân:

– Bây giờ, Vương tử Bodhi là ông vua cướp nước ấy, Devadatta là Pīṇḍiya, còn Ta chính là vị thầy lừng danh nọ.

§354. CHUYỆN CON RẮN (*Uragajātaka*)⁶ (J. III. 162)

Người đời bỏ xác ra...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một chủ đất có con trai chết.

Câu chuyện mở đầu cũng giống như chuyện của người đàn ông mất cả vợ và cha. Ở đây cũng vậy, bằng cách ấy, bậc Đạo sư đến nhà ông và sau khi chào ông, Ngài ngồi xuống và bảo:

– Này thí chủ, ông đang sầu khổ đấy ư?

Và ông đáp:

– Bạch Ngài, vâng, từ khi con trai của con chết, con rất đau khổ.

Ngài dạy:

– Này thí chủ, quả thật, cái gì phải tan rã thì tan rã, và cái gì bị hủy diệt thì hủy diệt, điều ấy không chỉ xảy ra cho một người, không chỉ xảy ra ở trong một làng mà ở trong vô số cảnh vật. Trong ba cách hữu sinh tam giới, không có sinh vật nào không chết, không có sự vật hiện hữu nào có thể ở mãi trong cùng một hoàn cảnh được. Mọi chúng sanh đều phải chết, mọi kết hợp đều phải tan rã. Khi bị mất một đứa con, các bậc Hiền trí ngày xưa bảo: “Cái gì phải hủy diệt thì sẽ bị hủy diệt”, và họ không sầu khổ.

Rồi do lời thỉnh cầu của người ấy. Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bô-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở một ngôi làng phía ngoài cổng thành Ba-la-nại và ngài nuôi sống gia đình bằng nghề cày ruộng. Ngài có hai con: Một trai và một gái. Khi con trai lớn lên, ngài cưới vợ cho anh ta từ một gia đình cùng đẳng cấp

⁶ Xem Pv. 13, *Uragapetavattthu* (Chuyện ngựa quý rắn), PvA. 61, *Uragapetavattthuvannanā* (Chủ giải Chuyện ngựa quý rắn).

với ngài. Như thế cùng với một nữ tỳ, họ hợp thành một gia đình sáu người: Bồ-tát và vợ ngài, con trai và con gái, con dâu và nữ tỳ. Họ sống với nhau đầy tình thương và hạnh phúc. Bồ-tát khuyên dạy năm người kia:

– Tùy theo những thứ mà các người nhận vào, phải bỏ thí, hành trì các ngày trai giới, giữ gìn đức hạnh, sống với ý nghĩ về cái chết, chú ý đến tình trạng phải chết của con người. Trong hoàn cảnh của chúng sanh như chúng ta đây, cái chết là chắc chắn, cuộc sống không chắc chắn, tất cả sự vật hiện hữu đều là tạm bợ và phải chịu suy tàn. Do đó, ngày đêm phải chú ý đến lối sống của các người.

Mọi người đều nhận lãnh lời dạy của Bồ-tát và nghiêm túc sống với ý nghĩ về cái chết.

Một hôm, Bồ-tát cùng con trai đi cày ruộng. Người con nhặt cỏ rác rồi đốt. Cách đó không xa, có một con rắn sống trong một cái gò mồi, bị khói làm xôn mắt, con rắn giận dữ bò ra khỏi hang và nghĩ: “Tất cả chuyện này là do tên ấy”, và nó phóng tới cắn vào anh ta bằng bốn cái răng cửa của nó. Người thanh niên ngã xuống chết. Khi thấy người con ngã xuống, Bồ-tát rời mấy con bò chạy tới và thấy rằng người con đã chết. Ngài ôm con lên và đặt nằm dưới gốc cây nọ. Ngài lấy áo choàng phủ lên con, không hề khóc lóc sầu đau. Ngài bảo:

– Cái gì phải tan rã thì tan rã, cái gì phải chết thì chết. Tất cả những hiện hữu kết hợp đều tạm bợ và phải chết.

Biết được tính chất tạm bợ của sự vật, ngài tiếp tục việc cày bừa. Trông thấy một người hàng xóm đi qua gần đám ruộng, ngài hỏi:

– Này bạn, có phải bạn đang về nhà đấy không?

Người ấy trả lời:

– Vâng.

Ngài bảo:

– Nhờ bạn đến nhà chúng tôi và nói với bà chủ, hôm nay không phải đem đồ ăn cho hai người như trước mà chỉ đem cho một người thôi. Và mọi khi chỉ một mình nữ tỳ mang thức ăn đến, thì hôm nay cả bốn người trong nhà phải mặc quần áo sạch sẽ và mang hương hoa đến đây.

– Được rồi.

Người ấy đáp và đi nói đúng các lời trên với vợ của vị Bà-la-môn ấy. Bà hỏi:

– Này bác, ai nhắn tin này thế?

Người ấy đáp:

– Thưa bà, ông Bà-la-môn đấy.

Thế là bà hiểu rằng con trai bà đã chết. Nhưng bà không run sợ, bà sai soạn thức ăn rồi cùng với những người khác trong gia đình ra đồng. Nhưng không ai kể cả bà, nhỏ một giọt nước mắt hay than van khóc lóc. Khi Bồ-tát dùng bữa xong, mọi người chắt củi và nâng xác để lên giàn hỏa táng. Họ dâng hương,

hoa rồi châm lửa thiêu. Chẳng ai nhỏ một giọt nước mắt. Tất cả đều an trú vào ý nghĩ về cái chết.

Năng lực đức hạnh của họ làm cho ngai vàng của Thiên chủ Đế-thích nóng lên. Đế-thích tự bảo:

– Ủa, kẻ nào muốn hạ ta xuống khỏi thế này?

Thiên chủ suy tưởng và phát hiện rằng hơi nóng này là do mãnh lực đức hạnh hiện hữu trong những người ấy. Rất sung sướng, Thiên chủ nói:

– Ta phải đến nơi họ và vui mừng la lớn như tiếng rống của sư tử rồi ngay sau đó sẽ lấy thất bảo đồ đầy chỗ của họ.

Thiên chủ vội vàng đến đó và đứng bên giàn hỏa táng nói:

– Các người đang làm gì thế?

– Thưa ngài, chúng tôi đang thiêu xác của một người.

Thiên chủ nói:

– Không phải các người đang thiêu một người, có lẽ các người đang quay thịt một con vật nào đó mà các người đã giết.

Họ đáp:

– Không phải thế đâu, thưa ngài, đúng là chúng tôi đang thiêu xác của một người.

Thế rồi Thiên chủ nói:

– Vậy chắc hẳn là một kẻ thù nào đấy.

Bồ-tát đáp:

– Đây chính là con trai ruột của chúng tôi, chứ không phải kẻ thù nào cả.

– Thế thì hẳn anh ta không được ông yêu mến.

– Tôi rất yêu mến nó, thưa ngài.

– Thế tại sao ông không khóc?

Rồi để giải thích lý do tại sao ngài không khóc, Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

- | | | |
|-----|----------------------------|--------------------------|
| 19. | Đời người bỏ xác ra, | Khi niềm vui sống qua, |
| | Như rắn kia vẫn thế, | Thường lột vỏ thay da. |
| 20. | Không lời nào thương tiếc, | Chạm đến tro người chết, |
| | Sao tôi phải buồn thương? | Kẻ ấy đi tiếp đường. |

Nghe xong những lời của Bồ-tát, Đế-thích hỏi bà vợ của ngài:

– Thưa bà, người chết liên hệ thế nào với bà?

– Tôi mang nó mười tháng trong bào thai, cho nó bú sữa của tôi, dạy cho nó cử động tay chân, đi đứng và thưa ngài nó là đứa con trưởng thành của tôi đấy.

– Thưa bà, do bản tính đàn ông, một người cha không khóc là phải, nhưng trái tim một người mẹ chắc chắn là mềm yếu. Thế sao bà lại không khóc?

Bà đọc hai bài kệ để giải thích vì sao bà không khóc:

21. Không gọi nó đến đây, Chăng sai nó đi ngay,
Nó đi như nó đến, Sao lại phải sầu cay?
22. Không lời nào thương tiếc, Chạm đến tro người chết,
Sao tôi phải buồn thương? Kẻ ấy đi tiếp đường.

Nghe xong những lời của vợ Bồ-tát, Đế-thích hỏi cô em gái:

- Thưa cô, người chết là gì của cô?
- Thưa ngài, anh ấy là anh tôi.
- Thưa cô, chị em gái chắc chắn thương yêu anh em trai. Tại sao cô lại không khóc?

Để giải thích lý do tại sao mình không khóc, cô ta đọc hai bài kệ:

23. Dù nhịn đói, khóc than, Ích gì được cho con,
Ôi, bà con thân thuộc, Sẽ nhiều đau khổ hơn.
24. Không lời nào thương tiếc, Chạm đến tro người chết,
Sao tôi phải buồn thương? Kẻ ấy đi tiếp đường.

Nghe xong những lời của cô em gái, Đế-thích hỏi cô vợ:

- Thưa cô, anh ta là gì của cô?
- Thưa ngài, anh ấy là chồng của tôi.
- Khi chồng chết, các bà là những góa phụ bơ vơ. Tại sao cô không khóc?

Để giải thích lý do tại sao mình không khóc, cô ta đọc hai bài kệ:

25. Như con trẻ kêu gào, Đòi vô vọng trăng cao,
Khóc than người yêu mất, Người đời ngó ngán sao!
26. Không lời nào thương tiếc, Chạm đến tro người chết,
Sao tôi phải buồn thương? Kẻ ấy đi tiếp đường.

Nghe xong những lời của cô vợ, Thiên chủ Đế-thích hỏi người nữ tỳ:

- Này bà, anh ấy là gì của bà?
- Thưa ngài, ông ấy là chủ của tôi.
- Chắc chắn rằng bà phải bị anh ta la mắng, đánh đập, áp bức, do đó bà nghĩ rằng may quá anh ta đã chết nên bà không khóc.

– Thưa ngài, chớ nói như thế. Cậu ấy không phải thế đâu. Cậu chủ tôi rất chịu đựng, yêu mến và thương xót tôi, cậu ấy cũng như con nuôi của tôi vậy.

- Thế thì tại sao bà không khóc?

Và để giải thích tại sao mình không khóc, người nữ tỳ đọc hai bài kệ:

27. Một bình đất đã vỡ, Ai ráp lại được vào,
Khóc than cho người chết, Chỉ chuốc thất bại vào.

28. Không lời nào thương tiếc, Chạm đến tro người chết,
Sao tôi phải buồn thương? Kẻ ấy đi tiếp đường.

Sau khi nghe tất cả mọi người nói, Đế-thích rất thích thú liền nói:

– Các người đã thận trọng sống với ý nghĩ về cái chết. Từ nay các người khỏi phải tự tay cày bừa nữa. Ta là Đế-thích, vua cõi trời, ta sẽ tạo ra vô số thất bảo trong nhà các người. Hãy bố thí, giữ đạo đức, hành trì ngày trai giới, và quan tâm đến cách sống!

Sau khi khuyến dụ họ, Thiên chủ tạo ra vô số của cải trong nhà họ rồi ra đi.

Sau khi thuyết pháp, bậc Đạo sư tuyên dạy tứ đế. Ở phần kết thúc tứ đế, người chủ đất đắc quả Dự lưu. Và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bây giờ, Khujjuttarā là người nô tỳ, Uppalavannā là người con gái, Rāhula là con trai, Khemā là người mẹ, còn Ta là người Bà-la-môn ấy.

§355. CHUYỆN VƯƠNG TỬ GHATA (*Ghatajātaka*) (J. III. 168)

Khi kẻ khác khóc than sầu khổ...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một ông quan của vua xứ Kosala.

Câu chuyện khởi đầu giống chuyện đã kể. Nhưng ở đây, sau khi ban vinh dự lớn lao cho một ông quan, vua lại nghe lời sàm tấu và truyền bắt ông ta bỏ vào ngục. Khi nằm trong ngục, ông quan ấy nhập vào Dự lưu. Sau đó, vua biết được công đức của ông và thả ra. Ông mang một tràng hoa thơm và đến tham bái bậc Đạo sư, đánh lễ Ngài và ngồi xuống. Bậc Đạo sư hỏi xem có việc xấu nào đã xảy đến với ông không. Ông đáp:

– Bạch Thế Tôn, có. Nhưng qua việc xấu ấy, việc tốt lại đến với con. Con đã nhập vào Dự lưu.

Bậc Đạo sư dạy:

– Đúng thế, không phải chỉ bây giờ, các bậc Hiền trí ngày xưa cũng được điều tốt từ điều xấu.

Rồi do thỉnh cầu của ông quan, Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là con của chánh cung hoàng hậu. Người ta gọi ngài là Ghatakumāra (Vương tử Ghata). Sau đó, ngài đạt kiến thức về các học nghệ ở Takkaṣilā và trị vì vương quốc của ngài rất công chính.

Bây giờ, một ông quan nọ có phẩm hạnh xấu trong nội cung. Sau khi tận mắt chứng kiến việc phạm gian, vua liền đuổi ông ra khỏi vương quốc. Lúc ấy,

có một vị vua tên là Varṇka trị vì Xá-vệ. Ông quan đến phục vụ cho vua ấy đúng như câu chuyện trước đây,⁷ được vua nghe lời và xúi giục vua chiếm vương quốc Ba-la-nại.

Sau khi chiếm đoạt vương quốc này, vua ấy bắt trói Bồ-tát bằng dây xích và bỏ ngài vào ngục. Bồ-tát nhập định và ngồi tréo chân trên không. Varṇka bị nóng hừng hực trong thân thể, liền chạy đến Bồ-tát, trông thấy dung mạo của ngài sáng ngời, đẹp như một đóa hoa sen nở, giống như một tấm kính bằng vàng. Qua hình thức một lời hỏi, ông đọc bài kệ đầu:

29. Khi kẻ khác khóc than sầu khổ,
Má người kia lệ nhỏ đầm đìa,
Mặt ngài vẫn nụ cười kia,
Ghata há chẳng bao giờ kêu than?

Đề giải thích tại sao ngài không sầu khổ, Bồ-tát đọc các bài kệ sau đây:

30. Chuyện đã qua, buồn nào thay đổi được,
Buồn nào gây hạnh phúc ở tương lai?
Cớ sao ta than vãn khổ đau này?
Sầu muộn chẳng đáng cho ta làm bạn.
31. Kẻ mang bệnh khổ sầu thì suy tận,
Các thức ăn thành vô vị nhạt màu,
Như trúng tên mỗi thịt của sầu đau,
Làm trò tiêu cho kẻ thù.tiêu khiển.
32. Nhà ta ở, dù trên đất, ngoài biển,
Dù trong làng hay heo hút rừng già,
Không bao giờ sầu não đến gần ta,
Hồn đã thiện, chẳng có gì để sợ.⁸
33. Còn kẻ nào chưa kiện toàn đến độ,
Bị nấu nung vì tham dục lắm đàng,
Cả cõi đời cùng của cải tệt tàn,
Cũng không hề đủ thỏa lòng tham muốn.

Sau khi nghe xong bốn bài kệ ấy, Varṇka xin Bồ-tát tha thứ và giao trả lại vương quốc cho ngài rồi đi theo đường của mình. Bồ-tát trao vương quốc cho các đại thần, ngài lui vào dãy Tuyết sơn và trở thành một nhà tu khổ hạnh. Không hề ngưng thiền định, ngài được sanh vào cõi Phạm thiên.

Sau khi chấm dứt bài thuyết giảng, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

⁷ Xem J. III. 14, *Ekarājajātaka* (Chuyện vị Thánh vương), số §303.

⁸ Xem Dh. v. 98; S. I. 232, *Rāmaṇeyyakasutta* (Kinh Khả ái, khả lạc); Thag. v. 981, *Sāriputtattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Sāriputta); Pháp cú kinh “La-hán phẩm” 法句經羅漢品 (T.04. 0210.15. 0564a28); Pháp cú thí dụ kinh “La-hán phẩm” 法句譬喻經羅漢品 (T.04. 0211.15. 0588b10); Xuất diệu kinh “Song yếu phẩm” 出曜經雙要品 (T.04. 0212.30. 0747c06).

– Lúc bấy giờ, Ānanda là Vua Vamka, còn Ta là Ghata.

§356. CHUYỆN NAM TỬ KĀRAṆḌIYA (*Kāraṇḍiyajātaka*)⁹ (J. III. 170)

Sao một mình trong rừng...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về Tướng quân Chánh pháp Sāriputta.

Tương truyền, khi có bọn người ác như thợ săn, chài lưới, v.v... đến với ngài, Trưởng lão đều giảng đạo đức cho họ, và ngài cũng truyền giới cho bất cứ ai mà ngài có dịp gặp. Ngài bảo:

– Hãy nhận giới!

Do lòng tôn kính Trưởng lão, họ không thể cưỡng lời ngài nên nhận lời. Và khi nhận giới xong, họ không thể hành trì mà ai nấy cứ tiếp tục theo lối làm ăn riêng của mình. Trưởng lão đến thổ lộ với chúng Tỷ-kheo để hỏi ý kiến:

– Nay các Hiền giả, những người ấy được tôi truyền giới nhưng không hành trì.

Các Tỷ-kheo trả lời:

– Thừa Tôn giả, ngài truyền giới cho họ trái với mong ước của họ và vì họ không dám cưỡng lại lời ngài nên họ chấp nhận đấy thôi. Từ nay, ngài chớ truyền giới cho những người như thế!

Trưởng lão không thuận ý. Nghe được chuyện ấy, các Tỷ-kheo bắt đầu bàn tán trong pháp đường cách Trưởng lão Sāriputta đã truyền giới cho bất cứ ai mà ngài gặp.

Bậc Đạo sư đến hỏi các Tỷ-kheo đang họp bàn chuyện gì. Khi nghe kể lại, Ngài dạy:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà xưa kia cũng thế, ông ấy truyền giới cho bất cứ ai mà ông gặp dù họ chẳng yêu cầu.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh ra và lớn lên trong gia đình Bà-la-môn rồi trở thành đệ tử trưởng của một giáo sư lừng danh tại Takkaṣilā. Bấy giờ, vị giáo sư giảng về giới cho bất cứ người nào mà ông có thể gặp như những người đánh cá, v.v... Dù họ không muốn, ông luôn bảo họ nhận giới. Nhưng dù họ đã nhận giới, họ cũng không hành trì. Giáo sư nói điều ấy cho các môn đệ nghe. Các môn đệ thưa:

– Thừa thầy, thầy truyền giới cho họ ngược lại với những mong cầu của họ và do đó, họ phá bỏ giới. Từ nay, thầy hãy truyền giới cho những kẻ nào muốn nghe thầy thôi, đừng truyền giới cho những ai không muốn!

⁹ Bản Tích Lan, Thái Lan viết *Kāraṇḍiyajātaka*. Bản CST viết *Koraṇḍiyajātaka*.

Vị giáo sư rất ân hận nhưng ông cứ truyền giới cho bất cứ ai mà ông gặp được.

Một hôm, một số người từ một ngôi làng kia đến mời giáo sư tham dự cuộc dâng bánh cho các Bà-la-môn. Ông cho gọi vị môn đệ tên là Kāraṇḍiya và bảo:

– Này con, ta không đi, con hãy đến đó với năm trăm môn đệ này rồi nhận bánh và mang về phần bánh được chia cho ta!

Ông sai vị môn đệ ấy như thế. Vị môn đệ ấy ra đi. Trên đường về, chàng trông thấy một cái hang và chợt có ý nghĩ: “Thầy ta truyền giới cho bất cứ ai ngài gặp mà không cần họ yêu cầu. Từ nay ta chỉ khiến ngài truyền cho những ai muốn nghe ngài thôi.”

Thế rồi, trong khi các môn đệ khác đang ngồi nghỉ thoải mái, chàng đứng lên đi khuôn những tảng đá lớn ném vào trong hang, chàng cứ khuôn đá ném mãi. Những người kia đứng dậy và nói:

– Này đại huynh, anh đang làm gì thế?

Kāraṇḍiya không nói một lời nào. Họ vội trở về kể chuyện cho thầy họ nghe. Vị thầy đến nói chuyện với Kāraṇḍiya bằng bài kệ đầu:

34. Sao một mình trong rừng, Từng tảng đá con khuôn,
Ném đá như có ý, Lấp bằng hang núi chẳng?

Nghe thế, Kāraṇḍiya muốn thức tỉnh thầy mình liền đọc bài kệ thứ hai:

35. Con muốn làm đảo này, Phẳng như lòng bàn tay,
San bằng gò đồi nọ, Chỗ trũng, đá lấp đầy.

Thầy Bà-la-môn nghe thế liền đọc bài kệ thứ ba:

36. Đời nào một phạm nhân, Có sức lấp đất bằng?
Kāraṇ khó hy vọng, Đọ sức với hang cùng.

Người môn đệ nghe xong liền đọc bài kệ thứ tư:

37. Nếu một kẻ phạm nhân, Không thể san đất bằng,
Ngoại nhân há chịu nhận, Quan điểm thầy hay chẳng?

Nghe thế, vị giáo sư tự nhủ: “Kāraṇḍiya nói có lý, ta sẽ không làm như thế nữa”, và biết mình đã sai, ông đọc bài kệ thứ năm:

38. Này Kāraṇḍiya, Con khuyên tốt cho ta,
Đất không san phẳng được, Ý người chẳng đồng hòa.

Giáo sư ca ngợi môn đệ của mình. Và vị môn đệ sau khi khuyên dụ thầy mình như vậy liền dẫn thầy về nhà.

Bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng và nhận diện tiền thân:

– Bây giờ, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là người Bà-la-môn, còn Ta chính là môn sinh Kāraṇḍiya.

§357. CHUYỆN CHIM CÚT (*Laṭukikajātaka*) (J. III. 174)

Hỡi voi tuổi sáu mươi...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Trúc Lâm về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Một hôm, các Tỷ-kheo bàn thảo trong pháp đường:

– Nay các Hiền giả, Devadatta thật hung ác, dữ dằn và tàn bạo. Ông ta chẳng chút lòng thương xót nào đối với chúng sanh.

Khi bậc Đạo sư đến, Ngài hỏi các Tỷ-kheo đang họp bàn chuyện gì và sau khi nghe kể lại, Ngài dạy:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngày xưa cũng thế, ông ấy cũng chẳng có chút thương xót nào.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadata đang trị vì Ba-la-nại, Bò-tát sanh làm một con voi. Khi lớn lên, ngài là một con vật chừng chạc đàn hoàng. Ngài trở thành chúa của một đàn tám chục ngàn con voi và sống trong dãy Tuyết sơn.

Bấy giờ, có một con chim cút đẻ trứng trong vùng đất sinh sống của đàn voi. Khi trứng nở, bầy chim con phá vỏ trứng ra ngoài. Trước khi bầy chim mạnh cánh và đang lúc chưa thể bay được, Bò-tát cùng với đàn tám chục ngàn con voi đi đây đó kiếm ăn, đã đến chỗ ấy. Khi trông thấy đàn voi, chim cút tự nghĩ: “Vương tượng này sẽ giẫm chết các con thơ của ta. Ta sẽ cầu xin ông ta che chở và bảo vệ cho tổ của ta.” Thế rồi nó nhấc đôi cánh lên, đứng trước ngài và đọc bài kệ đầu:

39.	Hỡi voi tuổi sáu mươi, Ta chỉ là chim nhỏ, Cánh nâng, tôi kính cần,	Chúa rừng của đồng loài, Còn ngài lãnh đạo bầy, Xin tha lũ con này.
-----	---	---

Bò-tát bảo:

– Nay cút, chớ lo sợ. Ta sẽ che chở cho các con thơ của ngươi.

Ngài đứng che lên trên bọn chim nhỏ trong khi tám chục ngàn con voi kia đi qua, rồi ngài dặn cút:

– Đằng sau bọn ta có một con voi lẻ bầy rất gian ác. Nó không chịu làm theo lời bọn ta. Khi nó đến, ngươi cũng phải van xin nó để bảo đảm an toàn cho lũ con ngươi.

Nói xong ngài bỏ đi, con cút đi đến gặp con voi kia và nâng cánh lên kính cần chào rồi đọc bài kệ thứ hai:

40.	Khấp thung lưng, núi đồi, Vua rừng, tôi năn nỉ, Tôi chỉ là cút mọn,	Ngài riêng một đường thôi, Nâng cánh cúi can ngài, Xin tha lũ con tôi.
-----	---	--

Nghe cút nói xong, voi đọc bài kệ thứ ba:

41. Cút ơi, ta sẽ giết con mi,
Hèn mọn như mi giúp được chi?
Chân trái ta đây đè bẹp hết,
Mấy ngàn chim nhỏ vẫn thường khi.

Nói thế xong, nó giơ chân giẫm nát bọn chim nhỏ, rồi tiêu tiện lên chúng làm cho chúng trôi theo dòng nước, sau đó rống lên và bỏ đi. Con cút đậu trên một cành cây nói:

– Mi hãy cút đi và rống lên đi. Rồi đây mi sẽ thấy ta làm gì. Mi chẳng biết sức mạnh của thân thể và sức mạnh của trí óc khác nhau như thế nào. Được rồi! Ta sẽ dạy cho mi một bài học!

Hăm dọa voi như thế, cút đọc bài kệ thứ tư:

42. Bạo lực không là được lợi luôn,
Mạnh thường là họa của si cuồng,
Thú kia đã giết con ta chết,
Ác ấy ta đây sẽ tính đường.

Nói xong, ít lâu sau, cút đến thăm một con quạ. Bấy giờ, quạ đang cao hứng hỏi cút:

– Ta giúp gì được cho bạn đây?

Cút bảo:

– Chẳng có gì đâu bác ạ, tôi chỉ mong bác lấy mỏ móc hai con mắt con voi gian ác kia.

Quạ sẵn sàng nhận lời. Cút đến giúp việc cho một con ruồi xanh. Khi ruồi xanh hỏi:

– Ta làm gì được cho bạn đây?

Cút đáp:

– Khi con voi gian ác kia bị quạ móc mắt xong, tôi muốn bạn đẻ trứng vào mắt nó.

Ruồi xanh nhận lời xong, cút đến giúp một con ếch, và khi ếch bảo cần gì, cút bảo:

– Khi con voi gian ác kia bị mù, nó sẽ tìm nước để uống, bấy giờ bạn hãy đứng trên đỉnh núi và kêu lên. Khi voi trèo lên đỉnh núi thì bạn hãy xuống chân núi mà kêu lên. Đây là điều tôi rất mong bạn giúp.

Sau khi nghe cút nói, ếch sẵn sàng nhận lời. Thế rồi một hôm, quạ dùng mỏ móc cả hai mắt con voi ấy, ruồi đẻ trứng vào mắt nó. Bị bọn dòi rút rĩa, voi cuồng lên vì đau đớn. Rồi bị cơn khát chế ngự, voi đi khắp nơi để tìm nước uống. Lúc ấy, ếch đứng trên đỉnh núi kêu lên. Voi tự nghĩ: “Nơi ấy hẳn phải có nước.” Rồi nó trèo lên núi. Ếch liền xuống dưới chân núi mà kêu lên nữa. Voi

tự nghĩ: “Sẽ có nước nơi ấy”, rồi lần mò tiến tới dốc núi và bị lăn cù, rơi xuống chân núi mà chết. Khi biết rằng voi đã chết, cú nói:

– Ta đã toàn thắng kẻ thù.

Và khi toàn thân ngập trong hạnh phúc cao độ, cú chết và đi theo nghiệp của mình.

Bậc Đạo sư dạy:

– Nay các Tỷ-kheo, ta không nên chuốc lấy thù hận với bất cứ ai. Bốn con vật ấy hợp lại với nhau đã diệt được con voi mạnh mẽ như thế kia.

43. Cút cùng quạ, ruồi xanh, ếch hợp lại,
Từng chứng minh kết quả của thù hận,
Vương tượng kia vì chúng chết oan thân,
Vậy hãy tránh hết mọi điều tranh cãi.

Sau khi đọc bài kệ phát xuất từ trí tuệ toàn hảo, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bây giờ, Devadatta là con voi gian ác kia, còn Ta là con voi đầu đàn.

§358. CHUYỆN HOÀNG TỬ DHAMMAPĀLA (*Culladhammapālajātaka*) (J. III. 177)

Hoàng hậu hèn của Đại Patāpa...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Trúc Lâm về cách Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) mưu toan giết Bồ-tát.

Trong tất cả các tiền thân khác, Devadatta không làm sao gây cho Bồ-tát một chút kinh hãi nào. Nhưng trong *Chuyện Hoàng tử Dhammapāla (Hộ Pháp)* này, khi Bồ-tát mới lên bảy tháng, ngài bị Devadatta chặt tay chân, chặt đầu và khắp thân thể ngài bị gươm đâm như có đeo vào một tràng hoa vậy. Trong *Chuyện núi Daddara*,¹⁰ Devadatta giết Bồ-tát bằng cách vắn cổ, quay thịt ngài trong lò rồi ăn thịt ấy. Trong *Chuyện đạo lý kham nhẫn*,¹¹ Devadatta đánh Bồ-tát hai ngàn roi và ra lệnh chặt tay, chân, tai, mũi, nắm tóc kéo đi và khi ngài nằm ngã sòng soài ra thì ông ta đánh vào bụng ngài rồi bỏ đi, Bồ-tát chết ngay ngày hôm đó. Nhưng trong cả hai *Chuyện con khỉ Cullanandīya*¹² và *Chuyện đại hầu vương*,¹³ ông ta chỉ ra lệnh giết ngài mà thôi. Trong một thời gian dài, Devadatta cứ lo toan tìm cách giết Bồ-tát và vẫn còn tiếp tục làm như thế ngay cả khi ngài đã trở thành một đức Phật.

Một hôm, các Tỷ-kheo bàn tán trong pháp đường:

¹⁰ Xem J. II. 66, *Daddarajātaka* (Chuyện núi Daddara), số §172.

¹¹ Xem J. III. 40, *Khantivādijātaka* (Chuyện đạo lý kham nhẫn), số §313.

¹² Xem J. II. 199, *Cullanandīyajātaka* (Chuyện con khỉ Cullanandīya), số §222.

¹³ Xem J. III. 370, *Mahākapijātaka* (Chuyện đại hầu vương), số §407.

– Này các Hiền giả, Devadatta vẫn tiếp tục lập âm mưu giết hại đức Phật. Có ý giết đức Thế Tôn, ông ta sai bọn cung thủ bắn Ngài, ông ta lăn đá vào Ngài và thả con voi Nālāgiri đến hại Ngài.

Khi bậc Đạo sư đến, Ngài hỏi các Tỷ-kheo đang họp bàn vấn đề gì, khi nghe thuật lại, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà xưa kia cũng thế, ông ta cứ tìm cách giết Ta, nhưng giờ đây ông ta không thể làm Ta mảy may sợ hãi. Dù xưa kia Ta là Hoàng tử Dhammapāla, dù Ta là con ruột của ông ta, ông ta cũng gây ra cái chết cho Ta bằng cách chặt, đâm gươm vào khắp cả thân Ta như thể nó mang một tràng hoa vậy.

Nói xong, Ngài kể chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Mahāpatāpa đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là con trai của Chánh hậu Candā và người ta đặt tên ngài là Dhammapāla.

Khi ngài lên bảy tháng, mẹ ngài tắm ngài trong nước thơm, mặc quần áo sang trọng cho ngài và ngồi chơi với ngài. Vua đến cung thất của hoàng hậu. Vì bà đang chơi với con trai, ngập tràn tình mẹ đối với con nên đã quên đứng dậy chào đón vua. Vua tự nghĩ: “Giờ đây người đàn bà này đầy tự hào về đứa con trai, coi ta không bằng một cọng rom, đến khi đứa bé lớn lên, bà ta sẽ nghĩ: ‘Ta chỉ có một người là con trai ta’, và chẳng để ý gì đến ta. Ta sẽ bảo giết nó ngay!”

Vì thế, ông quay trở về, ngồi trên ngai và gọi viên quan hành hình đến trình diện cùng với mọi dụng cụ hành sự. Người ấy mặc áo vàng mang tràng hoa đỏ sẫm, vai vác rìu, tay cầm một cái thớt và một cái chậu đến đứng trước vua, chào vua và nói:

– Tâu Đại vương, ngài cần gì ạ?

Vua phán:

– Đến vương phòng của hoàng hậu và mang Dhammapāla lại đây!

Hoàng hậu biết rằng vua đã giận dữ bỏ đi nên bà đã đặt Bồ-tát vào lòng và ngồi khóc. Viên quan hành hình đến và tống một đấm vào lưng bà, giật Bồ-tát ra khỏi tay bà rồi mang đến cho vua và thưa:

– Tâu Đại vương, ngài cần gì nữa?

Vua sai mang một tấm ván đến đặt trước mặt ông và nói:

– Đặt nó vào đó!

Người ấy làm theo lời vua. Nhưng hoàng hậu đã đến đứng ngay sau con mình và khóc. Viên quan hành hình lại nói:

– Tâu Đại vương, ngài cần gì nữa ạ?

Vua bảo:

– Hãy chặt hai bàn tay của Dhammapāla!

Hoàng hậu thưa:

– Đại vương, con trai tôi chỉ là một đứa bé lên bảy tháng. Nó có biết gì đâu! Lỗi không phải là của nó. Nếu có lỗi nào thì đây là lỗi của tôi. Do đó, ngài hãy sai chặt tay tôi đi!

Rồi để cho rõ nghĩa, bà đọc bài kệ đầu:

44. Hoàng hậu hèn của Đại Patāpa,
Chính là tôi, tội này riêng phải gánh.
Đại vương, hãy thả Hoàng tử Dhammapāla,
Và hãy chặt tay tôi, người bất hạnh!

Vua nhìn viên quan hành hình, y hỏi:

– Tâu Đại vương, ngài cần gì?

Vua phán:

– Chớ chần chờ, chặt tay đứa bé đi!

Lúc ấy, viên quan hành hình lấy cái rìu sắt chặt đứt hai bàn tay như những búp măng của Bồ-tát. Khi đôi tay bị chặt đứt, hài nhi vẫn không khóc, không than mà chỉ chịu đựng với lòng kham nhẫn, nhân từ. Nhưng Hoàng hậu Candā lượm các đầu ngón tay của con đặt vào lòng, máu vấy khắp, bà than khóc thảm thiết. Viên quan hành hình lại hỏi:

– Tâu Đại vương, ngài cần gì?

Vua đáp:

– Chặt hai bàn chân nó!

Nghe thế, Candā đọc đoạn thơ thứ hai:

45. Hoàng hậu hèn của Đại Patāpa,
Chính là tôi, tội này riêng phải gánh.
Đại vương, hãy thả Hoàng tử Dhammapāla,
Và hãy chặt chân tôi, người bất hạnh!

Nhưng vua ra hiệu cho viên quan hành hình và ông chặt cả hai chân Bồ-tát. Hoàng hậu Candā lượm hai bàn chân con đặt vào lòng, máu vấy khắp, bà than khóc và nói:

– Tâu Đại vương Mahāpatāpa, mẹ phải chăm nuôi con. Tôi sẽ làm việc để kiếm tiền chăm nuôi nó. Xin ngài giao nó cho tôi!

Viên quan hành hình nói:

– Tâu Đại vương, ngài đã thỏa ý chưa? Công việc của tôi thế là xong chưa?

Vua bảo:

– Chưa đâu!

– Tâu Đại vương, thế ngài cần gì nữa?

Vua bảo:

– Chặt đầu nó đi!

Candā lại đọc bài kệ thứ ba:

- 46.** Hoàng hậu hèn của Đại Patāpa,
Chính là tôi, tội này riêng phải gánh.
Đại vương, hãy thả Hoàng tử Dhammapāla,
Và hãy chặt đầu tôi, người bất hạnh!

Nói xong, hoàng hậu đưa đầu mình ra. Viên quan hành hình lại bảo:

– Tâu Đại vương, ngài cần gì?

Vua phán:

– Chặt đầu đưa bé đi!

Thế rồi, người ấy chặt đầu Bô-tát và hỏi:

– Tâu Đại vương, ngài đã thỏa ý chưa?

Vua bảo:

– Chưa.

– Thưa Đại vương, còn phải làm gì nữa?

Vua nói:

– Hãy lấy gươm đâm nó, lấy gươm mà cắt quanh thân nó, làm như nó có đeo tràng hoa vậy!

Người ấy tung thân Bô-tát lên không, lấy mũi gươm đâm vào rồi cắt quanh thân ngài làm như thân có đeo một tràng hoa và rải các miếng thịt trên bệ. Candā đặt thịt của Bô-tát vào lòng, ngồi xuống than khóc và đọc các bài kệ sau đây:

- | | | |
|------------|---|---|
| 47. | Cận thân chẳng ai can,
“Chớ giết kẻ thừa kế, | Một lời với chúa công,
Từ ruột ngài nên thân!” |
| 48. | Thân quyến chẳng một người,
“Chớ giết đi hoàng tử, | Nhẹ khuyên vua một lời,
Ngài đã ban cuộc đời!” |

Đọc hai bài kệ ấy xong, Hoàng hậu Candā đề hai bàn tay lên ngực đọc bài kệ thứ sáu:

- | | | |
|------------|--|--|
| 49. | Hỡi Hoàng tử Dhammapāla,
Đề trị vì trọn cõi,
Với dầu thơm chiên-đàn,
Hỡi ôi, ta ghen thở, | Dòng chính thống sanh ra,
Tay con từng tắm gội,
Nay nằm đây máu tràn,
Ghen cả lời kêu than! |
|------------|--|--|

Trong khi bà than vãn như thế, trái tim bà vỡ ra như một cây tre nổ giữa khu rừng đang cháy và bà ngã xuống chết ngay tại đó. Vua cũng không thể ngồi trên ngai mà ngã xuống bệ. Ngay đó, đất nứt ra làm hai và vua rơi vào chỗ nứt ấy. Đất rắn chắc dù dày gấp hàng ngàn lần, hơn hai trăm bốn mươi ngàn do-tuần vẫn không thể chịu nổi sự hung ác của ông ta, đã nứt ra làm đôi và mở rộng khe ra. Lửa từ ngực Avīci (A-tỳ) vọt ra ập vào bọc lấy vua như một vương bào bằng len, rồi chìm ông vào ngục A-tỳ.

Các đại thần làm lễ tổng táng Hoàng hậu Candā và Bồ-tát.

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Devadatta là vua, Mahāpajāpati là Candā, còn Ta là Hoàng tử Dhammapāla.

§359. CHUYỆN CON NAI VÀNG (*Suvaṇṇamigajātaka*) (J. III. 182)

Hỡi chân vàng, hãy dồn hết sức...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một thiếu nữ thuộc gia đình quý phái ở Xá-vệ.

Cô ta là con gái của một người hầu cận hai vị Trưởng lão Tỷ-kheo ở Xá-vệ và là một tín đồ thuần thành, liên hệ thân thiết với Phật, Pháp, Tăng, thường xuyên làm việc thiện, thông tuệ đối với đạo giải thoát, chuyên tâm bố thí và làm những hành vi đạo đức như thế.

Một gia đình khác ở Xá-vệ, cùng một đẳng cấp nhưng theo ngoại đạo hỏi cưới cô ta. Cha mẹ cô bảo:

– Con gái của chúng tôi là một tín đồ thuần thành, quy y Tam bảo, bố thí và làm các việc thiện, nhưng ông bà lại có quan điểm ngoại đạo. Và vì ông bà sẽ không cho phép nó bố thí, hoặc nghe pháp, hoặc đến thăm tinh xá, giữ giới luật đạo đức, tuân hành các ngày trai giới như nó vẫn muốn nên chúng tôi sẽ không gả nó về nhà quý vị được. Hãy chọn một thiếu nữ thuộc một gia đình ngoại đạo giống như quý vị vậy!

Khi lời cầu hôn của gia đình kia bị từ chối, họ bảo:

– Xin cứ cho con gái của quý vị đến nhà chúng tôi và làm mọi việc như thế đúng theo ý muốn của cô ấy. Chúng tôi sẽ không ngăn cản cô ấy đâu. Xin hãy chấp thuận yêu cầu ấy.

Gia đình cô gái bảo:

– Thế thì quý vị hãy đem nó về đi.

Lễ cưới được cử hành vào một ngày tốt lành và cô gái được đưa về nhà chồng. Cô tỏ ra rất chuyên chính trong việc hoàn tất các bổn phận, là một người vợ tận tụy, một nàng dâu đảm đang đối với cha mẹ chồng.

Một hôm, cô nói với chồng:

– Chàng ơi, em muốn cúng dường các Tỷ-kheo mà gia đình ta hay cúng dường.

– Được lắm, em ạ. Em cứ cúng dường đúng như em thích.

Thế là một hôm, cô mời các Tỷ-kheo ấy và tổ chức một cuộc thiết đãi lớn. Cô cúng dường các thức ăn hảo hạng và cung kính ngồi cách xa các vị ấy và bảo:

– Bạch chư Tôn giả, gia đình này ngoại đạo và không có lòng tin. Họ không

biết giá trị của Tam bảo. Dù thế, xin chư vị cứ tiếp tục nhận thực phẩm nơi đây cho đến khi họ hiểu được giá trị của Tam bảo.

Các Tỷ-kheo nhận lời và tiếp tục thọ thực tại đó. Cô lại bảo với chồng:

– Chàng ơi, quý Tỷ-kheo vẫn thường xuyên đến đây luôn, sao chàng không ra gặp các ngài?

Nghe thế, chàng đáp:

– Tốt lắm, ta sẽ ra gặp các ngài.

Ngày hôm sau, khi các Tỷ-kheo thọ thực xong, cô ta lại nhắc chồng. Chàng đến ngồi xuống một bên và từ tốn thưa chuyện cùng các vị ấy. Thế rồi Tướng quân Chánh pháp Sāriputta thuyết pháp cho chàng. Chàng rất thích thú nghe giảng và nhìn thấy thái độ nhu hòa, ân cần của các Tỷ-kheo, nên từ hôm đó trở đi chàng luôn luôn soạn sẵn phẩm cho các Trưởng lão ngồi và lọc nước cho các vị ấy dùng và trong khi các vị ấy thọ thực, chàng chăm chú nghe giảng pháp. Chẳng bao lâu, chàng không còn theo các quan điểm ngoại đạo nữa.

Thế rồi một hôm, Trưởng lão giảng pháp, tuyên thuyết tứ đế cho hai vợ chồng ấy và khi bài thuyết giảng chấm dứt, cả hai vợ chồng đều đắc quả Dự lưu. Từ đó, tất cả mọi người trong gia đình ấy, từ các bậc cha mẹ cho đến người giúp việc đều bỏ hết các tà kiến ngoại đạo và hết lòng vì Phật, Pháp, Tăng.

Một hôm, cô gái bảo với chồng:

– Chàng ơi, em có gì liên quan với đời sống gia đình nữa đâu? Em mong được sống đời tu hành.

Chàng đáp:

– Tốt lắm em ạ, ta cũng muốn trở thành một nhà tu khổ hạnh.

Thế là chàng vui vẻ dẫn cô đến một chỗ trú ngụ của Tỷ-kheo-ni và cô được đại chúng Ni cho xuất gia, còn chàng cũng đến chỗ bậc Đạo sư để xin xuất gia. Bậc Đạo sư cho chàng xuất gia. Cả hai đều đạt Tuệ nhãn và chẳng bao lâu đắc Thánh quả. Một hôm, các Tỷ-kheo bàn tán trong pháp đường:

– Nay các Hiền giả, người phụ nữ nọ nhờ lòng tin của chính mình và của chồng mà trở thành một Sa-di-ni. Rồi cả hai người sống cuộc đời Phạm hạnh, đạt Tuệ nhãn và đắc Thánh quả.

Bậc Đạo sư đến hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi bàn chuyện gì và sau khi nghe thuật lại, Ngài dạy:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ cô ấy mới giải thoát cho chồng khỏi những ràng buộc của khổ đau. Xưa kia cũng thế, cô cũng đã giải thoát các bậc Hiền trí khỏi những ràng buộc của cái chết.

Ngài dạy đến đó rồi im lặng, nhưng vì các Tỷ-kheo thỉnh cầu, Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bò-tát sanh ra là một con nai vàng và khi lớn lên, trở thành một con vật đẹp đẽ duyên dáng với màu sắc vàng ròng. Đôi chân trước và sau của ngài như được phủ bằng một thứ sơn bóng. Sừng như bằng bạc, mắt như những viên ngọc, miệng như một cuộn len đỏ. Con nai cái vợ ngài, cũng là một con vật rất xinh đẹp. Cả hai sống hòa hợp, hạnh phúc với nhau. Tám vạn nai đốm đi theo hầu Bò-tát.

Trong khi bầy nai sống nơi ấy, một người thợ săn đặt bẫy vào chỗ nai lui tới. Một hôm, đang dẫn dắt bầy nai, Bò-tát bị mắc chân vào bẫy. Để làm đứt dây thòng lọng, ngài giật mạnh đến đứt cả da chân. Ngài lại giật nữa và bị đứt tới thịt. Lần thứ ba, ngài lại giật và bị phạm tới gân. Rồi cái dây thắt vào tận xương. Không thể phá bẫy được, nai rung động vì sợ chết đến độ kêu la từng hồi. Nghe thế bầy nai kinh hoàng chạy trốn. Nhưng con nai cái, trong lúc chạy trốn không thấy Bò-tát trong bầy liền nghĩ: “Hắn là nổi kinh hoàng có liên hệ đến chồng ta rồi.” Rồi nai cái vội phóng đến bên chồng tuôn trào nước mắt và than:

– Chàng ơi, chàng mạnh mẽ đến thế, sao lại không thắng được cái bẫy chứ? Hãy cố sức mà tàn phá bẫy đi!

Để khích lệ Bò-tát, vợ ngài đọc bài kệ đầu:

50. Hỡi chân vàng, hãy dồn hết sức,
 Để thoát ra cho đứt bẫy này,
 Mắt chàng há thiếp vui say,
 Thanh thoi rong ruổi đó đây trong rừng?

Nghe thế, Bò-tát đọc bài kệ thứ hai:

51. Ta đây đã quá chùng cổ găng,
 Tự do nào đạt đặng đâu mà,
 Càng vùng để thoát thân ra,
 Mối dây càng thắt chặt da thể này.

Thế rồi nai cái bảo:

– Chàng ơi, đừng sợ. Em sẽ hết sức van xin người thợ săn và sẽ hy sinh mạng sống của em và để xin đổi mạng cho chàng.

Vừa an ủi bậc Đại sĩ, vợ ngài vẫn tiếp tục ôm lấy Bò-tát mình đang rớm máu. Nhưng người thợ săn tay cầm gươm và lao đã đến gần giống như một ngọn lửa hủy diệt vào lúc mở đầu một chu kỳ. Khi thấy người ấy, nai cái bảo:

– Chàng ơi, người thợ săn đã đến. Em sẽ đem hết khả năng để cứu chàng. Chàng chớ sợ!

An ủi chồng xong, nai cái đến gặp người thợ săn, đứng cách một khoảng để tỏ vẻ kính trọng, nai chào người ấy và nói:

– Thưa ngài, chồng tôi là một con nai có màu vàng ròng, đầy đủ mọi đức hạnh và là vua của tám vạn con nai.

Ca ngợi Bồ-tát xong, nai xin hy sinh mạng sống của mình để vua bày nai khỏi bị hại. Rồi nai đọc bài kệ thứ ba:

52. Nơi đây, hãy trải lá dày,
Chúng tôi sẽ ngã xuống ngay đây mà,
Thợ săn, hãy rút gươm ra,
Giết tôi rồi giết tiếp là chồng tôi!

Nghe thế, người thợ săn rất kinh ngạc, liền nghĩ: “Ngay cả người ta cũng không hy sinh đời mình cho vua nữa huống chi là loài vật. Thế này nghĩa là gì chứ? Con vật nói với một giọng êm dịu như tiếng người. Hôm nay, ta sẽ tha mạng cho nó và cho chồng nó.” Rất thích thú nai cái, người thợ săn đọc bài kệ thứ tư:

53. Con vật nói tiếng người, Ta chưa thấy trên đời,
Nai hiền an tâm nhé, Chân vàng dứt sợ thôi!

Thấy Bồ-tát được tha mạng, nai cái vô cùng sung sướng liền quay lại cảm ơn người thợ săn và đọc bài kệ thứ năm:

54. Hôm nay tôi thích thú đây tràn,
Nai vĩ đại này được thoát thân,
Vây thợ săn, người vừa gỡ bẫy,
Hãy vui vầy với mọi thân nhân.

Bấy giờ, Bồ-tát tự nghĩ: “Người thợ săn này đã tha mạng ta, vợ ta và cả tám vạn nai kia. Ông đã là nơi nương nhờ của ta, vậy ta cũng phải là nơi nương nhờ của ông ta.” Và với tính chất của một bậc đức hạnh tối cao, ngài nghĩ: “Ta phải đền ơn cho ân nhân của ta.” Rồi ngài trao cho người thợ săn một viên ngọc kỳ diệu mà ngài đã tìm được ở nơi ngài thường đi kiếm ăn và nói:

– Nay bằng hữu, từ nay chớ giết hại sinh vật nào nữa, với viên ngọc này, hãy xây dựng gia đình, vợ con, hãy bố thí và làm các việc thiện khác!

Khuyến dụ xong, nai biến vào trong rừng.

Bậc Đạo sư chấm dứt bài dạy ở đây và nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Channa (Xa-nặc) là người thợ săn, Tỷ-kheo-ni ít tuổi hạ ấy là con nai cái, còn Ta là nai chúa kia.

§360. CHUYỆN HOÀNG HẬU SUSSONDĪ (*Sussonḍijātaka*)¹⁴ (J. III. 187)

Tôi nghĩ thấy mùi hương rừng rậm...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo thối thất.

¹⁴ Bản Tích Lan và Thái Lan viết *Susandhijātaka*. Bản CST viết *Suyonandijātaka*. Xem J. III. 91, *Kāṭijātaka* (Chuyện Hoàng hậu Kāṭi), số §327.

Bậc Đạo sư hỏi có thật ông ta thêm muốn đời thế tục và ông ta thấy điều gì khiến ông ta ân hận đã thọ giới. Vị Tỷ-kheo trả lời:

– Tất cả là do nét yêu kiều của một phụ nữ.

Bậc Đạo sư dạy:

– Thật thế, này Tỷ-kheo, không thể nào canh phòng được phụ nữ. Các bậc Hiền trí ngày xưa, dù họ thận trọng ở tại trú xứ của loài Garuḍa (Kim Sí điều, chim thần Cánh Vàng), họ cũng không thể canh giữ phụ nữ.

Rồi do Tỷ-kheo ấy thỉnh cầu, Ngài kể một chuyện thời xưa.

Ngày xưa, khi Vua Tamba trị vì Ba-la-nại, chánh hậu tên là Sussonḍī, là một phụ nữ đẹp tuyệt vời.

Bấy giờ, Bồ-tát sanh ra là một chim thần Garuḍa trẻ. Bấy giờ, đảo Nāga (Long Thân) được gọi là đảo Seruma. Ngài đến Ba-la-nại giả nam trang và chơi xúc xắc với Vua Tamba. Nhận thấy sắc đẹp của ngài, người ta bảo Sussonḍī:

– Một trang thanh niên như thế, như thế, thường chơi xúc xắc với đức vua.

Nàng ao ước được thấy ngài. Rồi một hôm, nàng trang điểm thật đẹp và đi đến phòng đánh xúc xắc. Đứng nơi ấy, trong đám hầu cận, nàng nhìn đắm đắm vào chàng thanh niên. Chàng cũng nhìn đắm đắm vào hoàng hậu và cả hai đắm ra yêu nhau. Vua chim thần Garuḍa dùng thần lực, khởi lên một cơn bão ập vào thành phố. Mọi người vì sợ nhà sập đã phóng chạy ra khỏi cung điện. Với quyền năng, Vua Garuḍa khiến cho cung điện tối đen rồi mang hoàng hậu theo mình bay lên không về chỗ trú ngụ của riêng mình ở đảo Nāga. Nhưng chẳng ai biết việc đi hay đến của Sussonḍī.

Vua Garuḍa vui thú với nàng và vẫn đến chơi xúc xắc với Vua Tamba. Bấy giờ, Vua Tamba có một nhạc công tên là Sagga. Không biết hoàng hậu đã đi đâu, vua gọi nhạc công ấy lại và nói:

– Bấy giờ ngươi hãy khám phá xem điều gì đã xảy ra cho hoàng hậu!

Nói thế xong, vua truyền lệnh cho Sagga ra đi.

Sagga mang theo các thứ cần thiết cho cuộc hành trình và khởi sự tìm kiếm từ cổng thành, cuối cùng chàng đến Bharukaccha.¹⁵ Lúc ấy, các thương gia ở Bharukaccha đang giương buồm đi đến vùng Kim Địa. Chàng đến gần họ và nói:

– Tôi là một nhạc công. Nếu các ông miễn tiền tàu cho tôi thì tôi sẽ làm như một nhạc công của các ông. Hãy mang tôi theo với!

Họ chấp thuận như thế, cho chàng lên tàu và nhả neo. Khi thuyền đi được khá xa, họ gọi chàng và bảo chàng trôi nhạc cho họ nghe. Chàng nói:

¹⁵ Bản Tích Lan viết *Bharukacchā*. Bản CST viết *Kurukacchā*.

– Tôi muốn trôi nhạc nhưng nếu làm thế, cá sẽ bị kích động đến nỗi thuyền của các ông sẽ chìm đấy.

Các thương gia nói:

– Nếu chỉ là một con người tâm thường trôi âm nhạc thì chẳng có gì kích động đến phía cá. Cứ chơi nhạc đi cho chúng tôi nghe.

– Thế thì đừng tức giận tôi nhé!

Nói xong, chàng lên dây đàn, giữ cho lời ca hài hòa toàn hảo với tiếng dây đàn đệm theo rồi trôi nhạc cho họ nghe. Bọn cá điên cuồng khi nghe âm thanh ấy và quẫy tung cả lên. Một con hải quái nhảy vọt lên, rơi vào thuyền và làm thuyền vỡ đôi.

Sagga nằm trên một tấm ván được gió đẩy đi cho đến khi chàng dạt vào một cây đa ở đảo Nāga, nơi vua chim thần Garuḍa ở. Bấy giờ, Hoàng hậu Sussonḍī, như mỗi lần vua chim thần Garuḍa đi chơi xúc xắc, vẫn từ nhà đi xuống và đi lang thang dọc bãi biển, nàng trông thấy và nhận ra nhạc công Sagga, nàng bèn hỏi chàng đến đây bằng cách nào. Chàng kể lại toàn bộ câu chuyện cho nàng nghe. Nàng an ủi chàng và nói:

– Đừng sợ.

Rồi ôm chàng trong đôi cánh tay, nàng đem chàng về chỗ nàng ở, và đặt chàng nằm trên một chiếc trường kỷ. Khi chàng phục hồi đầy đủ sức lực, nàng cho chàng ăn những thức ăn của thần tiên, tắm chàng trong nước hoa thần tiên, mặc cho chàng những y phục thần tiên và trang sức cho chàng bằng những bông hoa có mùi thơm thần tiên và để chàng nằm trên một sàng tọa thần tiên. Nàng săn sóc chàng như thế, và mỗi khi vua chim thần Garuḍa trở về, nàng đem giấu người yêu, và ngay khi vua ra đi, do ảnh hưởng của đam mê, nàng hưởng lạc thú với chàng.

Một tháng rưỡi sau, một số thương gia cư ngụ ở Ba-la-nại ghé lên dưới gốc cây đa trong đảo này để lấy củi và nước. Chàng nhạc công lên thuyền với họ và về tới Ba-la-nại đúng vào lúc chàng thấy vua đang chơi xúc xắc, chàng liền cầm đàn, tấu nhạc và đọc bài kệ đầu:

55. Tôi nghĩ thấy mùi hương rừng rậm,
Tôi nghe ra biển thẳm rền la,
Vì tình tôi khổ, Tamba,
Sussonḍī đẹp cách xa tôi rồi!

Nghe thế, Vua Garuḍa đọc bài kệ thứ hai:

56. Biển bão tố, sao người qua được,
Seruma mà vẫn an hòa?
Cách nào, hãy nói, Sagga,
Sussonḍī đẹp, người đà đến ngay?

Bấy giờ, Sagga đọc ba bài kệ tiếp theo:

- | | |
|---|---|
| <p>57. Từ Bharukaccha,
Thuyền tôi đi bị đắm,
Tôi nhờ vào tấm ván,</p> <p>58. Một hoàng hậu thom tho,
Nhẹ nhàng nâng tôi lên,
Hắn như tôi lúc ấy,</p> <p>59. Nàng cho mặc, cho ăn,
Nàng nhìn chỗ tôi nằm,
Suốt cả ngày như vậy,
Đây lời thực tôi trình.</p> | <p>Cùng với đoàn thương gia,
Vì hải quái gây ra,
Mà ghé được vào bờ.</p> <p>Với bàn tay dịu hiền,
Đặt tôi vào đầu gối,
Là con thực của nàng.</p> <p>Và khi tôi nằm đấy,
Bằng đôi mắt đắm đuối,
Chúa Tamba nên biết,</p> |
|---|---|

Khi chàng nhạc công nói như thế, vua chim thần Garuḍa vô cùng ân hận và nói:

– Dù ở tại trú xứ của chim thần Garuḍa, ta cũng không thể giữ nàng an toàn được. Người đàn bà xấu xa này đối với ta còn ra gì nữa?

Do đó, Vua Garuḍa mang nàng về trả lại cho Vua Tamba rồi bỏ đi và từ đó không quay lại nữa.

Sau khi chấm dứt bài giảng, bậc Đạo sư tuyên thuyết tứ đế. Khi Ngài kết thúc tứ đế, vị Tỷ-kheo có tâm trần tục kia đắc quả Dự lưu. Sau đó, Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ānanda là vua ở Ba-la-nại, còn Ta là vua chim thần Garuḍa.

II. PHẨM SẮC ĐẸP (*VAṆṆĀROHAVAGGA*)

§361. CHUYỆN SẮC ĐẸP (*Vaṇṇārohajātaka*)¹⁶ (J. III. 190)

Có phải chăng Sudātha nói...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về hai vị Đại đệ tử.

Một lần nọ, hai vị Đại Trưởng lão quyết định suốt trong mùa mưa sẽ chuyên tâm độc cư. Vì vậy, họ từ biệt bậc Đạo sư, rời Tăng chúng, đi khỏi Kỳ Viên, tự tay mang theo y bát và đến sống trong một khu rừng gần một làng ở biên địa.

Một người đàn ông nọ phục vụ hai vị Trưởng lão và sống bằng các thức ăn thừa của họ, cũng ở riêng một nơi trong khu ấy. Khi thấy hai vị Trưởng lão sống với nhau một cách hạnh phúc như thế, anh ta nghĩ:

– Chẳng biết ta có làm cho họ bất hòa không nhỉ!

Thế là anh ta đến gần Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất) và bảo:

– Thưa Tôn giả, có thể có sự cãi cọ nào giữa ngài và Đại Trưởng lão Moggallāna (Mục-kiền-liên) không?

Trưởng lão hỏi:

– Vì sao ông bảo thế?

– Thưa Thánh giả, vị ấy chê bai ngài và bảo: “Khi ta vắng, Sāriputta có gì xứng đáng để so sánh với ta về đẳng cấp, dòng dõi, gia đình và xứ sở hoặc về năng lực chứng đạt các Thánh điển!”

Vị Trưởng lão mỉm cười và đáp:

– Đi đi, ông bạn!

Một hôm khác, người ấy lại đến gần Đại Trưởng lão Moggallāna và cũng bảo như thế. Vị này cũng mỉm cười và nói:

– Đi đi, ông bạn!

Moggallāna đến gặp Sāriputta và hỏi:

– Ông bạn sống bằng các thứ dư thừa của chúng ta ấy có nói gì với Hiền giả không?

– Vâng, có đấy, Hiền giả ạ.

– Và ông ta cũng nói đúng như thế với tôi. Chúng ta phải đuổi ông ta đi.

¹⁶ Xem J. III. 150, *Sandhibhedajātaka* (Chuyện lời gièm pha), số §349.

– Tốt lắm Hiền giả, hãy đuổi ông ta đi!

Trưởng lão bảo:

– Ông không được đến đây.

Và búng tay tỏ ra khinh miệt anh ta, ngài đuổi anh ta đi. Hai vị Trưởng lão sống hạnh phúc với nhau, và khi quay về với bậc Đạo sư, họ đánh lễ Ngài và ngồi xuống. Bậc Đạo sư ân cần nói chuyện với họ và hỏi họ có sống thời biệt cư của họ một cách hỷ lạc không. Họ bạch:

– Có một anh hành khát kia muốn làm cho chúng con bất hòa nhưng mưu toan thất bại, anh ta đã chạy xa rồi.

Bậc Đạo sư dạy:

– Thực thế, này Sāriputta, không phải chỉ bây giờ mà xưa kia cũng thế, anh ta đã nghĩ cách làm cho các ông bất hòa nhưng mưu toan thất bại, anh ta đã chạy xa.

Rồi do thỉnh cầu của các Trưởng lão, Ngài kể một chuyện thời xưa.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị thần cây trong một khu rừng. Bấy giờ, có một con sư tử và một con hổ sống trong một cái động núi ở khu rừng ấy. Một con chó rừng hầu hạ chúng và nhờ sống bằng thịt ăn thừa của chúng, nó bắt đầu mập ra.

Thế rồi một hôm, nó chợt nghĩ: “Ta chưa bao giờ ăn thịt một con sư tử hay một con hổ. Ta phải làm cho hai con này bất hòa với nhau và kết quả của việc tranh cãi nhau là chúng phải chết, bấy giờ ta sẽ ăn thịt chúng.”

Thế là nó đến gần sư tử và nói:

– Thưa ngài, có sự tranh cãi nào giữa ngài và hổ không?

– Sao anh bảo thế?

Chó rừng nói:

– Thưa ngài, hổ chê bai ngài và bảo: “Khi ta đi vắng, tên sư tử này sẽ chẳng bao giờ được bằng một phần mười sáu sắc đẹp của ta, vóc dáng và vòng ngực của ta, sức mạnh và quyền năng tự nhiên của ta.”

Bấy giờ, sư tử nói với nó:

– Xéo đi, hổ sẽ chẳng bao giờ nói ta như thế!

Thế rồi, chó rừng cũng đến gần hổ và nói theo cách ấy. Khi nghe nó nói, hổ chạy đến sư tử và hỏi:

– Này bạn, có thật rằng bạn đã nói về tôi như thế, như thế?

Rồi hổ đọc bài kệ đầu:

60. Có phải chẳng Sudāṭha nói,
“Đẹp sang về dòng dõi, hình dung,

Oai hùng, quyền lực trong vùng,
Subāhu cũng phải nhường thua tôi?”

Nghe thế, Sudāṭha (Sư Tử) đọc bốn bài kệ còn lại:

61. Có phải chẳng Subāhu nói,
“Đẹp sang về dòng dõi, hình dung,
Oai hùng, quyền lực trong vùng,
Sudāṭha cũng phải nhường thua tôi?”
62. Nếu lời bạn chê bai như vậy,
Thì bạn đâu còn phải bạn tôi!
Chuyện tầm phào lắng nghe rồi,
Sẽ gây tranh cãi với người bạn ta.
63. Và trong thù hận cay chua,
Mối tình thân hữu sẽ là đứt ngang,
Đã là bè bạn tương thân,
Ai đâu nghi ngại chẳng nhân cơ nào,
Ai đâu tìm vạch gắt gao,
Những điều làm lỗi của nhau làm gì!
64. Niềm tin bạn, ta thì vẫn giữ,
Như trẻ thơ tin vú mẹ thân,
Chẳng vì kẻ lạ nói năng,
Mà đành có lúc tách phân bạn lòng.¹⁷

Khi bốn bài kệ ấy đã nêu lên phẩm cách của một bạn thân, hổ nói:

– Tôi có lỗi.

Và nó xin lỗi sư tử. Sau đó, chúng cùng nhau sống hạnh phúc tại nơi ấy. Còn chó rừng ra đi và tìm đến nơi khác.

Sau khi chấm dứt bài dạy, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bây giờ, con chó rừng kia là người hành khát sống bằng thức ăn thừa, con sư tử là Sāriputta, con hổ là Moggallāna, còn vị thần sống trong rừng ấy và chứng kiến tận mắt toàn bộ chuyện này là Ta.

§362. CHUYỆN THỬ THÁCH GIỚI ĐỨC

(*Sīlavīmaṃsajātaka*)¹⁸ (J. III. 193)

Đức hạnh và kiến thức...

¹⁷ Xem J. III. 196, *Hirijātaka* (Chuyện hổ thẹn), số §363; Sn. 45, *Hirisutta* (Kinh Xấu hổ).

¹⁸ Xem J. I. 370, *Sīlavīmaṃsanajātaka* (Chuyện thử thách giới đức), số §86; J. II. 430, *Sīlavīmaṃsajātaka*, số §290; J. III. 18, *Sīlavīmaṃsanajātaka*, số §305; J. III. 100, *Sīlavīmaṃsajātaka*, số §330.

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Bà-la-môn muốn thử thách năng lực của đức hạnh.

Người ta kể rằng, do ông nổi danh về đức hạnh, vua đã đặc biệt tôn trọng ông hơn hẳn các Bà-la-môn khác. “Đức vua đặc biệt tôn trọng ta, có phải vì ta có đức hạnh hay vì ta đạt kiến thức cao? Ta sẽ thử nghiệm xem đức hạnh và kiến thức bên nào quan trọng hơn.”

Thế là một hôm, ông rút lấy một đồng trong kho tiền của vua. Người thủ kho vì kính ông đã không nói một lời nào. Việc ấy lại xảy ra lần thứ hai, người thủ kho cũng chẳng nói gì. Nhưng đến lần thứ ba, người thủ kho bắt ông ta như bắt một kẻ sinh sống bằng nghề trộm cắp và mang ông ta đến trước nhà vua. Vua hỏi người thủ kho ông ta bị tội gì, người ấy buộc tội ông đã ăn trộm tài sản của vua. Vua hỏi:

– Này Bà-la-môn, có thật thế không?

Ông ta bảo:

– Tâu Đại vương, tôi không có thói ăn trộm của ngài. Nhưng tôi nghi ngờ không biết đức hạnh và kiến thức bên nào quan trọng hơn, và khi thử nghiệm xem trong hai thứ đó, thứ nào là quan trọng hơn, tôi đã ba lần rút lấy một đồng tiền và thế rồi tôi bị bắt và mang đến trước ngài. Giờ đây tôi biết được rằng đức hạnh có hiệu năng lớn hơn là kiến thức. Tôi không còn muốn sống đời cư sĩ nữa, tôi sẽ trở thành một ẩn sĩ.

Khi được vua cho phép, chẳng cần phải nhìn tới cả nhà cửa, ông đi thẳng đến Kỳ Viên và xin quy y với bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư chấp nhận cho ông xuất gia và thọ giới Tỷ-kheo. Được vào Giáo đoàn không bao lâu, ông đạt tuệ giác và đắc quả vị cao nhất.

Sự việc này được bàn luận trong pháp đường rằng Bà-la-môn nọ sau khi chứng nghiệm được năng lực của đức hạnh, đã thọ giới xuất gia và đạt tuệ giác, chứng đắc Thánh quả như thế nào. Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi bàn luận vấn đề. Khi nghe kể lại, Ngài dạy:

– Không phải chỉ bây giờ người này mới làm thế mà các bậc Hiền trí ngày xưa cũng đã đem đức hạnh ra thử nghiệm và trở thành các ẩn sĩ đem lại sự giải thoát cho mình.

Rồi Ngài kể một câu chuyện ngày xưa.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi lớn lên, ngài học mọi ngành văn học nghệ thuật ở Takkasilā, và khi trở về Ba-la-nại, ngài đến yết kiến vua. Vua giao cho ngài chức giáo sĩ hoàng gia, và vì ngài giữ năm giới, vua đối đãi kính trọng, xem ngài là một người có đức hạnh. Ngài nghĩ: “Phải chăng vua kính trọng

đối xử với ta như một người đức hạnh hay như một người chuyên tâm đạt kiến thức?” Và toàn bộ câu chuyện cũng đúng như sự việc ngày nay và ở đây, vị Bà-la-môn bảo: “Bây giờ tôi đã biết đức hạnh là quan trọng hơn kiến thức.”

Rồi ngài đọc năm bài kệ sau đây:

- | | | |
|-----|--|--|
| 65. | Đức hạnh và kiến thức,
Nay không còn ngờ vực, | Tôi đã thử nghiệm rồi,
Đức hạnh tốt nhất đời. |
| 66. | Đức hạnh vượt thiên phú,
Khi ở xa đức hạnh, | Đẹp, sang suông đâu bì,
Kiến thức chẳng đáng chi! |
| 67. | Nông dân hay hoàng tử,
Ở cõi nào đâu chứ, | Hễ đã vương tội vào,
Thoát khỏi niềm khổ đau? |
| 68. | Dù thuộc hàng thấp kém,
Nếu đời này đức hạnh, | Hay ở lớp quý cao,
Ở thiên giới ngang nhau. |
| 69. | Dòng dõi và trí thức,
Chỉ riêng thuần đức hạnh, | Thân tình chẳng đáng đâu!
Đem phước lạc mai sau. |

Bậc Đại sĩ ca ngợi đức hạnh như thế, và sau khi được vua ưng thuận, ngay ngày hôm ấy, ngài đi vào vùng Tuyết sơn sống đời Phạm hạnh của một nhà ẩn tu. Ngài phát triển các thắng trí và các thiền chứng rồi được tái sanh vào cõi Phạm thiên.

Bậc Đạo sư chấm dứt bài pháp thoại và nhận diện tiền thân:

– Bây giờ, chính Ta đã đem đức hạnh ra thử nghiệm và nhận lấy cuộc đời Phạm hạnh của một nhà ẩn tu.

§363. CHUYỆN HỒ THEN (*Hirijātaka*)¹⁹ (J. III. 196)

Kẻ nào dù được kính vì...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi ngài trú tại Kỳ Viên về một vị phú thương bạn của ông Cấp Cô Độc, sống tại một tỉnh ở biên địa.

Hai sự việc diễn tiến được kể đầy đủ trong chuyện cuối cùng của phẩm IX, chương Một kệ, *Chuyện kẻ vong ân*.²⁰ Nhưng ở đây khi vị thương gia ở Ba-la-nại nghe rằng những người hầu của vị thương gia xa lạ bị đoạt hết tất cả tài sản, và sau khi mất hết mọi thứ đã có, họ phải bỏ trốn, ông nói:

– Vì họ không làm điều mà họ phải làm cho những người xa lạ đã đến với họ nên họ chẳng tìm thấy ai sẵn sàng đền đáp cho họ.

Nói thế xong, ông đọc các bài kệ sau:

¹⁹ Xem Sn. 45, *Hirisutta* (Kinh Xấu hổ).

²⁰ Xem J. I. 377, *Akataññijātaka* (Chuyện kẻ vong ân), số §90.

70. Kẻ nào dù được kính vì,
 Khi làm phận tớ, lòng thì ghét ta,
 Chẳng làm việc tốt đâu mà,
 Còn riêng lời nói rườm rà nhiều khê,
 Ta nên phải quyết một bề,
 Người nào như thế, chớ hề kết giao.
71. Một khi đã trót hứa vào,
 Thực hành lời hứa làm sao cho tròn,
 Việc nào chẳng thể làm xong,
 Thì ta từ chối, quyết không hứa gì.
72. Người khôn quay mặt ngoảnh đi,
 Những khoa trương rỗng đáng chi để lòng,
 Một khi bạn đã nhau cùng,
 Thì không tranh chấp khi không có nào.
 Chẳng hề tìm vạch gắt gao,
 Những điều lầm lỗi của nhau bao giờ,
 Vững tin bạn, tựa trẻ thơ,
 Tin vào vú mẹ chẳng ngờ chút chi.²¹
73. Dù người lạ nói, làm gì,
 Cũng không hề muốn chia ly bạn lòng,
 Tình bằng ai khéo chịu tròn,
 Hẳn đời tăng ích, cao khôn phước phần.
74. Những người hưởng thú tịnh an,
 Uống vào những ngụm lễ chân ngọt ngào.
 Riêng người ấy biết làm sao,
 Thoát dây buộc tội, thoát bao khổ phiền.²²

Như vậy, bậc Đại sĩ chán ngán tiếp giao với bạn bè xấu. Do sức mạnh của độc cư, ngài đã đưa giáo lý của ngài lên đến tột đỉnh và dẫn con người đến Niết-bàn vĩnh cửu.

Khi giảng xong pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bây giờ, Ta là vị thương gia ở Ba-la-nại.

²¹ Xem J. III. 69, *Succajajātaka* (Chuyện dễ cho), số §320; J. III. 192, *Vaṇṇārohaḥajātaka* (Chuyện sắc đẹp), số §361; J. III. 251, *Āsāmkajātaka* (Chuyện thiên nữ Āsāmkā), số §380; S. I. 23, *Ujjhānasāṇṇisutta* (Kinh Ujjhānasāṇṇi); Sn. 45, *Hirisutta* (Kinh Xấu hổ); Thag. v. 261, *Hāritattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Hārīta); Thag. v. 225, *Bākulattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Bākula); Thag. v. 320, *Subhūtattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Subhūta).

²² Tham chiếu: Dh. v. 205; Sn. 45, *Hirisutta* (Kinh Xấu hổ); Xuất diệu kinh “Ác hành phạm” 出曜經惡行品 (T.04. 0212.29. 0741b24); Pháp tập yếu tụng kinh “Tội chương phạm” 法集要頌經罪障品 (T.04. 0213.28. 0792a17).

§364. CHUYỆN CON ĐOM ĐÓM (*Khajjopanakajātaka*) (J. III. 197)

75-79. *Người nào đang có cây đèn...*

Chuyện con đom đóm sẽ được kể đầy đủ trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*.²³

§365. CHUYỆN NGƯỜI LUYỆN RẮN (*Ahigunḍikajātaka*) (J. III. 197)

Này ta nằm đây, khi xinh đẹp hỡi...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một vị Trưởng lão.

Chuyện này đã được kể đầy đủ trong *Chuyện con khi Sālaka*.²⁴

Ở đây cũng thế, vị Trưởng lão sau khi truyền giới cho một chàng trai trong làng lại la mắng, đánh đập anh ta. Chàng trai ấy chạy trốn và hoàn tục. Trưởng lão một lần nữa truyền giới cho anh ta và lại la mắng, đánh đập như trước. Chàng trai trẻ sau khi hoàn tục ba lần, lại được khuyến dụ quay trở lại, đã chẳng còn muốn nhìn mặt Trưởng lão ấy nữa.

Chuyện ấy được bàn tán trong pháp đường về một Trưởng lão đã không thể sống với chú tiểu của ông mà cũng không thể sống thiếu chú ấy. Trong khi chàng trai trẻ đã thấy lỗi lầm của Trưởng lão, vì thiếu điềm tĩnh, anh ta lại là một chàng trai trẻ nhạy cảm nên đã không muốn nhìn ông nữa.

Bậc Đạo sư đến và hỏi các Tỷ-kheo đang bàn đề mục gì. Khi nghe trình việc ấy, Ngài dạy:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà xưa kia cũng thế, chính chàng trai trẻ này đã làm một chú tiểu nhạy cảm sau khi quan sát thấy lỗi lầm của Trưởng lão ấy, đã chẳng muốn nhìn ông ta nữa.

Dạy thế xong, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bô-tát được sanh ra trong một gia đình làm lúa mì và khi lớn lên, ngài sinh sống bằng nghề bán lúa mì.

Bấy giờ, một người dụ rắn nọ bắt được một con khi rồi huấn luyện nó đóng trò với một con rắn. Thế rồi, khi một cuộc hội hè được mở ở Ba-la-nại, ông ta gọi con khi cho người bán lúa mì và đi rong khắp trong bảy ngày làm trò với con rắn. Trong thời gian ấy, vị thương gia nuôi con khi bằng thức ăn loại cứng, loại mềm.

Vào ngày thứ bảy, khi đã say sưa ở chỗ vui chơi hội hè ấy, người dụ rắn trở về và ba lần đánh đập con khi bằng một thanh tre rồi đem nó theo vào trong một khu vườn, cột nó lại và nằm ngủ. Con khi tháo được dây ra rồi trèo lên cây

²³ Xem J. VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542. Bản CST viết *Umagajātaka*, số 542.

²⁴ Xem J. II. 267, *Sālakajātaka* (*Chuyện con khi Sālaka*), số §249.

xoài, ngồi đó ăn trái. Khi thức dậy người dụ rắn thấy con khỉ ngồi trên cây, liền nghĩ: “Ta phải bắt nó bằng cách tán tỉnh nó.” Rồi khi nói chuyện với nó, ông đọc bài kệ đầu:

80. Này ta nằm đây, khỉ xinh đẹp hỡi,
 Như người chơi bị xúc xắc phá tàn,
 Hãy ném xoài đây, ta biết rõ ràng,
 Ta sống được nhờ bạn nhiều mưu kế.

Khi nghe thế, con khỉ đọc các bài kệ còn lại:

81. Lời bạn khen, âm thanh vô nghĩa thế,
 “Khỉ đẹp xinh”, bao giờ kiếm cho ra!
 Xin hỏi ai trong hàng quán say sưa,
 Nay bỏ đói và đánh ta đau vậy?

82-83. Anh dụ rắn hỡi, ta đây nhớ lại,
 Giường khổ đau nơi ta phải nằm vào,
 Nếu có ngày ta lên nắm ngôi cao,
 Chớ xin ta rỉ chút nào ân huệ.

84. Vì ta nhớ bạn từng hung ác thế,
 Nhưng nếu ai vui vẻ sống trong nhà,
 Hạng thanh cao, chịu đem của trao ra,
 Thì sẽ được người khôn giao kết chặt.

Nói những lời này xong, con khỉ biến mất vào trong bầy khỉ bạn.

Bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại ở đây và nhận diện tiền thân:

– Bây giờ, Trưởng lão này là người dụ rắn nọ, chú tiểu là con khỉ, còn Ta là người bán lúa mì.

§366. CHUYỆN CON QUỶ GUMBIYA (*Gumbiyajātaka*)²⁵ (J. III. 200)

Thuốc độc giống như mật ngọt ngào...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo hối tiếc vì đã thọ giới.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có thật ông đã hối tiếc như thế không?

Ông ta đáp:

– Bạch Ngài, đúng thế.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Ông đã thấy điều gì khiến ông cảm thấy như thế?

²⁵ Xem J. I. 368, *Kimpakkajātaka* (Chuyện trái cây kimpakka), số §85.

Vị Tỷ-kheo đáp:

– Đây là do vẻ duyên dáng hấp dẫn của một phụ nữ.

Bậc Đạo sư dạy:

– Nay Tỷ-kheo, năm thứ ham muốn giống như mật có rầy thuốc độc giết người do quỷ Gumbiya để giữa đường.

Rồi do thỉnh cầu của Tỷ-kheo ấy, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, dưới triều Vua Brahmadata, vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát là một thương gia mang theo năm trăm chiếc xe chở hàng hóa đi bán. Đến đường cái, trước khi vào một khu rừng, ngài gọi các thành viên trong đoàn lại và nói:

– Nay, trên con đường này có lá, hoa, trái, v.v... tất cả đều có thuốc độc đầy. Khi ăn, chớ ăn các thứ lạ mà không hỏi ta. Vì bọn quỷ đã để trên đường những rổ cơm mới và nhiều thứ quả hoang ngon ngọt và rưới thuốc độc lên. Hãy dứt khoát đừng ăn thức ăn ấy nếu không được ta chấp thuận!

Sau khi dặn dò như thế, ngài tiếp tục cuộc hành trình.

Bấy giờ, một quỷ dạ-xoa nọ tên gọi Gumbiya, rải lá trên một khoảng đất giữa rừng và thả vài miếng mật, trên đó có thuốc độc giết người, còn nó đi đây đó trên đường, giả vờ vỗ vào cây cối làm như đang tìm mật. Những người không biết gì cứ nghĩ: “Mật này được để đây, hẳn phải là một nghĩa cử.” Thế là họ phải chết vì ăn mật ấy. Và bọn quỷ đến ăn thịt họ.

Trong thương đoàn của Bồ-tát cũng có một số người vốn tham ăn, khi thấy những thứ ngon này, không kìm lòng được liền ăn vào. Nhưng những người khác khôn ngoan bảo:

– Ta sẽ hỏi Bồ-tát trước khi ăn.

Và họ cầm các thức ăn ấy và đứng đó. Khi Bồ-tát thấy các thứ họ đang cầm trong tay, ngài bảo họ ném đi. Những người đã ăn trọn phần đều chết. Nhưng đối với những người chỉ mới ăn phân nửa, ngài khiến họ nôn ra, và sau khi họ đã nôn hết, ngài cho họ bốn thứ thơm ngọt. Do thần lực của ngài, họ được chữa lành. Bồ-tát đến nơi mà ngài muốn đến một cách bình an, và sau khi giao hàng, ngài trở về nhà.

85. Thuốc độc giống như mật ngọt ngào,
Khi ta ngửi, nếm hoặc nhìn vào,
Gumbiya để trong rừng đó,
Khi kiếm thức ăn, thật hiểm sao!

86-87. Hễ kẻ nào ham ăn hưởng mật,
Ăn vào phải chết giữa rừng sâu,
Những ai xét, tránh xa mọi nhử,
Giữ được an lành, khỏi khổ đau.

88. Tham dục cũng như môi độc vậy,
Được bày ra để hại con người,
Và lòng dính mắc nơi mỗi nhữ,
Sẽ khiến thân này bị chết thôi.
89. Nhưng hễ kẻ nào luôn nỗ lực,
Tránh xa ác dục cuốn lôi người,
Chính là kẻ thoát dây ràng buộc,
Của nỗi thương đau, thoát khổ rồi.

Sau khi đọc các bài kệ trên được cảm tác do trí tuệ toàn hảo, bậc Đạo sư khai thị tứ đế. Ở phần kết thúc tứ đế, vị Tỷ-kheo thối thất ấy đắc quả Dự lưu.

Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Ta là vị thương gia ấy.

§367. CHUYỆN CON SÁO (*Sāliyajātaka*) (J. III. 202)

Kẻ nào khiến bè bạn...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Trúc Lâm về một lời nói rằng Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) đến cả kêu cứu cũng không thể được.

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh ra trong nhà một gia chủ ở làng. Khi còn trẻ, ngài chơi đùa với các cậu trai khác dưới một gốc cây ở công làng. Bấy giờ, có một y sĩ già nghèo khổ, không có việc làm, lang thang ra khỏi làng và đến nơi ấy, trông thấy một con rắn nằm ngủ giữa nhánh chạc của một cây nọ, đầu rúc vào trong. Ông ta nghĩ: “Ta chẳng được gì ở trong làng cả. Ta sẽ dụ tụi bé con này, khiến cho con rắn cắn chúng và thế là ta sẽ được thứ gì đó vì đã chữa chúng.” Vì thế, ông ta bảo Bồ-tát:

– Nếu cháu tình cờ trông thấy con sáo con, cháu có bắt nó không?

Bồ-tát đáp:

– Vâng, cháu bắt chứ.

Lão già bảo:

– Xem kìa, một con đang nằm giữa nhánh chạc của cây này đây.

Không biết rằng đó là một con rắn, Bồ-tát trèo lên cây và chộp lấy cổ nó, nhưng khi thấy rằng đây là một con rắn thì ngài không để cho nó quay lại phía ngài, mà kiềm chế lấy nó và ném vung nó ra xa. Con rắn rơi vào cổ của ông y sĩ già, cuộn quanh ông, cắn ông thật nặng đến nỗi rằng nó cắm sâu vào thịt ông, lão già ngã xuống chết ngay tại chỗ, còn con rắn thoát đi. Mọi người xúm quanh bậc Đại sĩ và khi giảng pháp cho đám đông ấy, ngài đọc các bài kệ sau:

- | | |
|---|---|
| <p>90. Kẻ nào khiến bè bạn,
Bảo đây là sáo con,
Phải chết vì rắn cắn.</p> <p>91. Kẻ nào muốn giết chết,
Kẻ ấy chết nằm dài,</p> <p>92. Kẻ nào muốn giết chết,
Kẻ ấy chết nằm dài,</p> <p>93. Như người cầm nắm bụi,
Bụi làm hại người này,</p> <p>94. Kẻ nào gây tai họa,
Họa ác quay trở lại,
Như bụi bay trở lại,</p> | <p>Bắt con rắn độc tàn,
Chính kẻ dạy ác này,</p> <p>Người không cướp, giết ai,
Như kẻ bị rắn cắn.</p> <p>Người không cướp, hại ai,
Như kẻ bị rắn cắn.</p> <p>Tung lên ngược chiều gió,
Kẻ rắn cắn cũng vậy.</p> <p>Trong sạch và vô tội,
Cho chính kẻ ngu này,
Khi tung ngược cuồng phong.²⁶</p> |
|---|---|

Bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng ở đây và nhận diện tiền thân:

– Bây giờ, ông y sĩ già nghèo khổ là Devadatta, và cậu thiếu niên không ngoan là Ta.

§368. CHUYỆN DÂY TRÓI BUỘC (*Tacasārajātaka*) (J. III. 203)

Bị rơi vào giữa tay thù...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về trí tuệ toàn hảo.

Bây giờ, bậc Đạo sư dạy:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà xưa kia cũng vậy, Như Lai cũng đã chứng tỏ mình thông tuệ và nhiều phương tiện thiện xảo.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, dưới triều Vua Brahmadatta, vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh ra trong một gia đình của một chủ sở hữu trong làng. Toàn bộ câu chuyện diễn tiến đúng như chuyện tiền thân trước đây. Nhưng ở chuyện này, khi lão y sĩ chết, những người láng giềng của ông ta ở trong làng nói:

– Những thiếu niên này đã gây nên cái chết cho người ấy. Chúng ta sẽ mang chúng đến trình vua!

Rồi họ trói các chàng trai trẻ ấy lại và dẫn đến Ba-la-nại. Dọc đường, Bồ-tát an ủi và bảo các chàng trai trẻ kia:

²⁶ Tham chiếu: *Dh.* v. 125; *S.* I. 13, *Phusatisutta* (Kinh Xúc chạm); *S.* I. 164, *Bilaṅkikasutta* (Kinh Bilaṅkika); *Sn.* 123, *Kokālikasutta* (Kinh Kokālika); *Pháp cú kinh* “Ác hành phẩm” 法句經惡行品 (T.04. 0210.17. 0564c19); *Xuất diệu kinh* “Ác hành phẩm” 出曜經惡行品 (T.04. 0212.29. 0741b24); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tội chương phẩm” 法集要頌經罪障品 (T.04. 0213.28. 0792a17).

– Đừng sợ! Ngay cả khi các bạn bị đưa ra trước mặt vua, hãy tỏ ra không sợ hãi và lòng đầy hoan hỷ. Trước hết, vua sẽ nói chuyện với chúng ta và sau đó tôi sẽ liệu xem sẽ phải làm gì.

Cả bọn đều chấp nhận ngay lời khuyên bảo ấy và làm đúng theo như vậy. Khi vua thấy họ đều bình tĩnh và hoan hỷ, vua bảo:

– Những kẻ khốn khổ này bị xích trói và mang đến đây như những kẻ sát nhân, và dù phải khổ sở đến như vậy nhưng họ vẫn không sợ hãi mà còn hoan hỷ nữa. Ta sẽ hỏi họ lý do tại sao họ không buồn phiền.

Và vua đọc bài kệ đầu:

95. Bị rơi vào giữa tay thù,
Bị dây tre trói buộc như thế này,
Vẫn trông tươi tỉnh mặt mày,
Làm sao người giấu được ngay khổ sầu?

Nghe thế, Bồ-tát đọc tiếp các bài kệ sau:

96. Người kia than trách buồn đau,
Có đâu thu được lợi nào mấy may!
Đối phương thích thú lắm thay,
Khi trông thấy nổi khổ giày vò ta.²⁷
97. Thù nhân sẽ lắm ưu tư,
Khi ta ngẩng mặt tiến ra số phận,
Chẳng lùi như một trí nhân,
Khéo bề phán đoán tách phân mọi điều.
98. Dù nhờ bùa chú cao siêu,
Thì thâm nho nhỏ, dù nhiều tài cao,
Người thân quyền thế giúp vào,
Mà ta thoát nạn cách nào cũng hay.
99. Ta nên nỗ lực cho tày,
Chiếm phần ưu thắng về ngay phía mình.
Nhưng khi kết quả không thành,
Nhờ người giúp hoặc riêng mình chẳng xong,
Thì ta nên vẫn một lòng,
Sẵn sàng chấp nhận mà không đau buồn,
Số phận dù quá gian truân,
Ta đành nỗ lực gắng công tới cùng.

Nghe Bồ-tát giảng pháp, vua điều tra sự việc và thấy các thiếu niên kia đều vô tội, liền sai cởi trói cho họ, ban thưởng Bồ-tát nhiều vinh dự và phong ngài

²⁷ Các câu kệ 96-99, xem A. III. 54, *Alabbhanīyaṭṭhānasutta* (Kinh Sự kiện không thể có được); A. III. 57, *Nāradasutta* (Kinh Tôn giả Nārada).

làm cô vắn về thế sự và thánh sự, kiêm chức đại thần cao quý. Vua cũng ban vinh dự cho các thiếu niên kia và chỉ định họ vào nhiều chức vụ khác nhau.

Khi bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng, Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ānanda là vua xứ Ba-la-nại, hàng phó giáo sĩ là các thiếu niên kia, còn Ta là chàng trai trẻ thông tuệ ấy.

§369. CHUYỆN CHÀNG TRAI MITTAVINDA

(*Mittavindajātaka*) (J. III. 205)

Việc xấu nào tôi đã trót gây...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phóng dật. Câu chuyện sẽ được đề cập rõ ở *Chuyện chàng trai Mittavinda*.²⁸

Bấy giờ, khi Mittavinda bị thả xuống dưới biển, đã tỏ ra tham ái vô độ và ngày càng thái quá như vậy nên anh ta đến một nơi hành tội của các chúng sanh bị đọa vào địa ngục. Anh ta đi vào địa ngục Ussada, nhằm tưởng đấy là một đô thị và ở đó anh ta phải mang trên đầu một bánh xe bén như lưỡi dao cạo. Lúc ấy, Bô-tát mang hình hài một vị thiên tử đi thi hành một sứ mạng đến ngục Ussada. Khi trông thấy ngài, Mittavinda đọc bài kệ đầu theo hình thức một câu hỏi:

100. Việc xấu nào tôi đã trót gây,
 Khiến trời nguyên rửa phạt tôi đây?
 Ôi, đầu tôi hằn là nứt vỡ,
 Vì bánh xe quay hành tội này.

Nghe thế, Bô-tát đọc bài kệ thứ hai:

101. Từ bỏ cửa nhà đầy phước lạc,
 Đây thì dát ngọc, đây pha lê,
 Các phòng đều chói ngời vàng bạc,
 Thảm cảnh do đâu đẩy bạn về?

Thế rồi, Mittavinda đọc bài kệ thứ ba:

102. “Lạc thú nơi kia sẽ ngập tràn,
 Chốn này kém cõi chẳng so bằng.”
 Đây là ý nghĩ gây tai ách,
 Và đẩy tôi vào cảnh thảm thương.

Bô-tát đọc những bài kệ sau cùng:

²⁸ Xem J. I. 235, *Losakajātaka* (Chuyện Trưởng lão Losaka), số §41; J. I. 363, *Mittavindajātaka* (Chuyện chàng trai Mittavinda), số §82; J. I. 414, *Mittavindajātaka*, số §104; J. IV. 1, *Catuvārājātaka* (Chuyện bốn cổng thành), số §439.

- | | |
|--|---|
| <p>103. Từ bốn lên thành tám,
Lòng tham không biết thỏa,
Và cứ thế đưa bạn,
Đến khi chịu đầy đọa,</p> <p>104. Vậy tất cả thế nhân,
Mãi vẫn chưa thỏa lòng,
Đường tham lam rộng lớn,
Rồi phải mang như bạn,</p> | <p>Lên mười sáu, bảy hai,
Cứ tăng trưởng lên hoài.
Sanh linh tham dục đầy,
Đầu mang bánh xe này.</p> <p>Cứ đeo đòi tham ái,
Vẫn đòi thêm, thêm mãi.
Họ vẫn bước chân vào,
Bánh xe này trên đầu.</p> |
|--|---|

Nhưng trong khi Mittavinda còn đang nói thì bánh xe rơi xuống chà nát anh ta, khiến anh ta không nói thêm được nữa. Còn vị thiên tử quay thẳng về trú xứ của mình ở trên trời.

Bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng và nhận diện tiền thân:

– Bây giờ, Tỷ-kheo phóng dật là Mittavinda, còn Ta là vị thiên tử.

§370. CHUYỆN CÂY HỒNG PHƯỢNG VĨ (*Palāsajātaka*) (J. III. 208)

Ngỗng này nói với cội judas...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về sự khiển trách dục tình. Sự việc dẫn đến câu chuyện sẽ được kể trong *Chuyện kỹ nữ Ummadantī* thuộc Nhóm Năm mươi kệ.²⁹

Nhưng ở đây bậc Đạo sư bảo chúng Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, phải dè chừng dục tình. Dù dục tình nhỏ bằng một chồi cây đa, nó cũng có thể đưa đến sự hủy hoại. Các bậc Hiền trí ngày xưa cũng dè chừng điều gì có vẻ đáng nghi ngại.

Dạy thế xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, dưới triều Vua Brahmadatta, vua ở Ba-la-nại, Bồ-tát được sanh ra là một con ngỗng vàng và khi lớn lên, ngài sống trong một cái hang vàng trong núi Cittakūṭa thuộc vùng Tuyết sơn và thường đến ăn lúa hoang mọc ở trên một cái hồ thiên nhiên. Trên con đường ngài vẫn thường qua lại có cây hồng phượng vĩ (judas) lớn. Cứ mỗi bận đi và về, ngài đều dừng nghỉ tại đó. Vì thế, một mối tình bạn nảy sinh giữa ngài và vị thần sống trong cây ấy.

Thế rồi có một con chim nọ, sau khi ăn trái chín của cây đa, đến đậu trên cây hồng phượng vĩ và rút phân vào nhánh chạc của cây ấy. Sau đó, một cây đa con mọc lên nơi ấy, cao tới một tấc và rục rờ với những chồi đỏ, lá xanh. Ngỗng chúa thấy thế liền bảo với thần giữ cây:

²⁹ Xem J. V. 209, *Ummadantījātaka* (*Chuyện kỹ nữ Ummadantī*), số §527.

– Nay Hiền hữu, hễ cây nào bị chồi đa mọc đều bị hủy diệt vì chồi ấy lớn lên. Chớ để cho nó lớn lên, nếu không nó sẽ phá hủy chỗ ở của bạn đấy. Hãy trở về ngay, nhổ nó lên và ném nó đi! Ta phải dè chừng thứ gì tỏ ra đáng nghi ngại.

Nói với thần cây như thế xong, ngỗng đọc bài kệ đầu:

- 105.** Ngỗng này nói với cội judas,
“Chồi của cây đa bám bạn kia,
Vật bạn vẫn nuôi trong bụng ấy,
E rồi sẽ xé bạn toi ra.”

Nghe như vậy, vị thần cây không chú ý đến những lời ấy, đọc bài kệ thứ hai:

- 106.** Để nó lớn lên, tôi sẽ là,
Nơi nương tựa của một cây đa,
Tôi sẵn sóc nó, tình cha mẹ,
Phước lạc cho tôi, nó tỏ ra.

Thế rồi, ngỗng đọc bài kệ thứ ba:

- 107.** Sợ rằng đây là mầm tai ách,
Sâu tận trong lòng, bạn vẫn nuôi.
Từ biệt bạn thôi, tôi bay vút,
Hỡi ơi, nó lớn, bực lòng tôi!

Nói xong những lời kia, ngỗng chừa dang rộng cánh và bay thẳng về núi Cittakūṭa. Từ đó, ngỗng không quay lại nữa. Thế rồi cây đa lớn lên. Cây này cũng có vị thần cây. Cây đa to lớn làm hư gãy cây hồng phượng vĩ, vị thần cây đổ xuống cùng với nhánh cây. Bấy giờ, nghĩ lại những lời của ngỗng chừa, vị thần cây tự bảo: “Vua của loài ngỗng đã thấy được mối nguy hại sắp tới và báo cho ta biết nhưng ta chẳng nghe lời vị ấy.” Sầu than như thế, thần đọc bài kệ thứ tư:

- 108.** Quỷ hung cao tợ núi Tu-di,
Đã đẩy ta vào cảnh khôn nguy,
Lời bạn ngỗng kia ta miệt thị,
Giờ đây ta ngập nỗi sầu bi.

Như vậy, cây đa khi lớn lên làm đổ nguyên cả cây hồng phượng vĩ xuống, làm cho nó chỉ còn trơ một gốc và chỗ ở của vị thần cây bị mất hẳn.

- 109.** Người khôn sanh sợ loài tầm gửi,
Chèn nghẹt vật chi nó bám mình,
Bậc trí dè chừng nguy cỏ dại,
Diệt ngay rễ trước lúc mầm sanh.

Đây là bài kệ được cảm tác do trí tuệ toàn hảo.

Bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng ở đây tuyên thuyết tứ đế. Ở phần kết thúc tứ đế, năm trăm vị Tỷ-kheo đắc Thánh quả và Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, Ta là ngỗng vàng nọ.

III. PHẨM MỘT NỬA (ADDHAVAGGA)

§371. CHUYỆN HOÀNG TỬ CON VUA DĪGHITI XỨ KOSALA (*Dīghitikosalajātaka*)³⁰ (J. III. 211)

Người đang thuộc quyền ta sanh sát...

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về một nhóm người tranh cãi nhau từ Kosambī.

Khi họ đến Kỳ Viên, giữa lúc họ hòa hợp lại với nhau, bậc Đạo sư bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, các ông là pháp tử của Ta trong đạo, được sanh ra do những lời nói từ miệng Ta. Con cái không được phá bỏ lời khuyên của cha, thế mà các ông lại không theo lời khuyên dạy của Ta. Các trí giả ngày xưa khi bị bọn phiến loạn giết cha mẹ, chiếm vương quốc và bắt vào rừng, họ vẫn không giết bọn người ấy, bảo là: “Chúng ta sẽ không phá bỏ lời khuyên của cha mẹ ta đã ban cho.”

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ. Trong tiền thân này, cả sự việc đưa đến câu chuyện và nội dung chính câu chuyện sẽ được kể đầy đủ trong phần *Kẻ chia rẽ Tăng chúng* (*Saṅghabhedakakhandhaka* thuộc *Luật tạng*).

Bây giờ, Hoàng tử Dīghāvu khi thấy vua xứ Ba-la-nại nằm bên cạnh mình ở trong rừng, liền túm lấy chòm tóc vua và nói:

– Bây giờ ta sẽ chặt tên cướp nước đã giết cha mẹ ta ra làm mười bốn miếng.

Và ngay khi chàng vung gươm, chàng nhớ lại lời cha mẹ đã khuyên dạy và tự nghĩ: “Dù ta phải hy sinh đời ta, ta cũng sẽ không giẫm lên lời khuyên của cha mẹ. Cứ dọa nó là thỏa bụng ta rồi.” Và chàng đọc bài kệ đầu:

110. Người đang thuộc quyền ta sanh sát,
Khi nằm đây úp mặt, vua kia,
Muru nào người tính nghĩ ra,
Cứu người ra khỏi tay ta hải hùng?

Và ông vua kia đọc bài kệ thứ hai:

³⁰ Tham chiếu: M. III. 152, *Upakkilesasutta* (Kinh Tùy phiền não), số 128; Trường Thọ Vương bốn khởi kinh 長壽王本起經 (T.01. 0026.72. 0532c09).

111. Nay ta chẳng còn phương cứu nữa,
Trên đất nằm lệt giữa tay người,
Cách nào cũng chẳng biết nơi,
Đề mong thoát được ra ngoài khốn nguy.

Thế rồi, Bò-tát đọc các bài kệ còn lại:

112-15. Hỡi nhà vua, chẳng phải là của cải,
Mà chính là các lời nói, hành vi,
Vốn thiện hiền mà ta đã thực thi,
Đến giờ chết mới cho ta thư thái.
Nếu cứ bảo: “Ta đây từng khổ ải,
Kẻ này la và kẻ nọ đánh ta,
Và kẻ kia cướp của đến thứ ba.”
Những kẻ nào nuôi các tình cảm ấy,
Chẳng bao giờ giận hờn nguôi lắng lại,
“Nó xưa kia từng đánh, mắng vào ta,
Nó đã gây lăm áp bức phiền hà.”
Ý nghĩ ấy những ai không ham muốn,
Giận sẽ nguôi và hài hòa chung sống,
Xóa cảm hờn đau phải bởi cảm hờn,
Xóa cảm hờn chính là bởi yêu thương,
Đây là luật miên trường cho an lạc.³¹

Sau những lời ấy, Bò-tát bảo:

– Thưa Đại vương, tôi sẽ chẳng làm hại ngài đâu. Ngài cứ giết tôi đi.

Rồi ngài đặt cây gươm của mình vào trong tay vua ấy. Vua cũng bảo:

– Ta cũng sẽ chẳng làm hại người.

Vua tuyên thệ và đi đến thành phố cùng với Bò-tát, đưa ngài đến gặp các cận thần và nói:

– Nay các khanh, đây là Hoàng tử Dīghāvu, con trai của vua xứ Kosala, người đã tha mạng cho ta. Ta quyết chẳng làm điều chi hại đến người.

Nói thế xong, vua gả con gái cho Bò-tát và đưa ngài lên ngôi trong vương quốc trước đây thuộc về cha ngài. Từ đây, hai vua cùng trị vì một cách an lạc và rất hài hòa với nhau.

Bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng và nhận diện tiền thân:

³¹ Tham chiếu: J. III. 488, *Kosambijātaka* (Chuyện ở Kosambī), số §428; M. III. 152, *Upakkilesasutta* (Kinh Tùy phiên nào), số 128; Dh. v. 3-5; Vin. I. 337, *Kosambakakkhandhaka* (Chương Kosambī); *Pháp cú kinh* “Song yếu phẩm” 法句經雙要品 (T.04. 0210.9. 0562a11); *Xuất diệu kinh* “Phân nộ phẩm” 出曜經忿怒品 (T.04. 0212.15. 0693b19); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Oán gia phẩm” 法集要頌經怨家品 (T.04. 0213.14. 0784a14).

– Vào thời ấy, người cha và người mẹ là những thành phần hiện nay trong hoàng gia, còn Hoàng tử Dīghavu chính là Ta.

§372. CHUYỆN CHÚ NAI CON (*Migapotakajātaka*)³² (J. III. 213)

Sầu thương vật đã chết rồi...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên) về một Trưởng lão nọ.

Chuyện kể rằng, ông nhận một thanh niên xuất gia vào hội chúng, và Sa-di này sau một thời gian phục vụ thầy rất nhiệt tình, dần dần lâm bệnh và từ trần. Vị Trưởng lão tràn ngập ưu phiền vì cái chết của nam tử kia nên cứ đi quanh quần than khóc kêu gào. Tăng chúng không thể nào an ủi ông cho khuây khỏa được, liền đưa vấn đề ra thảo luận tại pháp đường:

– Vị Trưởng lão kia có một Sa-di từ trần, cứ quanh quần than khóc mãi. Do triển miên suy tư mãi về cái chết, chắc chắn vị ấy sẽ trở thành kẻ bơ vơ, lạc lõng.

Khi bậc Đạo sư bước vào, Ngài hỏi Tăng chúng hội họp để bàn luận đề tài gì, và khi biết được câu chuyện, Ngài bảo:

– Không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa, Trưởng lão ấy cũng đi quanh quần than khóc khi thanh niên này từ trần.

Nói xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta (Phạm Thọ) trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm Thiên chủ Sakka (Đế-thích). Thời ấy, có một người sống trong quốc độ Kāsi, đi đến miền Tuyết sơn và sống đời khổ hạnh với các loại quả rừng.

Một hôm, vị ấy thấy một chú nai con mất mẹ. Vị ấy đem nó về thảo am, cho nó ăn và yêu quý nâng niu nó. Chú nai con lớn dần thành một con vật xinh đẹp thanh tao, và ân sĩ chăm sóc nó, đối đãi với nó như con đẻ mình vậy.

Một ngày kia, con nai chết thình lình vì bội thực, không tiêu hóa hết số cỏ vì ăn quá nhiều. Vị khổ hạnh cứ lang thang gào khóc:

– Con ta chết rồi!

Lúc ấy, Thiên chủ Sakka xem xét trần gian, nhìn thấy vị ấy, ngài nghĩ cách khuyên giáo ông, liền hiện xuống đứng giữa không trung và ngâm vần kệ đầu:

116. Sầu thương vật đã chết rồi,
Hỡi người khổ hạnh sống đời độc cư,
Thoát dây tục lụy xuất gia,
Giờ đây phát bệnh tâm tư buồn phiền!

³² Xem J. III. 156, *Sujātajātaka* (Chuyện chàng Sujāta), số §352; J. III. 389, *Somadattajātaka* (Chuyện voi con Somadatta), số §410; J. IV. 60, *Matṭakundalijātaka* (Chuyện nam tử đeo vòng tai), số §449; J. IV. 84, *Ghatajātaka* (Chuyện Trí giả Ghata), số §454.

Vị khổ hạnh vừa nghe vậy liền ngâm vắn kệ thứ hai:

117. Nếu người bầu bạn thú hiền,
Tâu ngài Đế-thích ở trên cõi trời,
Buồn phiền vì mất bạn chơi,
Tuôn dòng nước mắt sẽ vơi nổi sầu.

Thiên chủ Sakka lại ngâm hai vắn kệ nữa:

118. Người đời lắm kẻ ước ao,
Mỗi khi vật mất, kêu gào tiếc thương,
Thôi đừng khóc nữa trí nhân,
Thánh hiền vẫn bảo hoài công thôi mà.
119. Nếu nhờ nước mắt tuôn ra,
Chúng ta có thể vượt qua tử thần,
Thì ta quyết phải hợp quần,
Để mà cứu mọi vật thân nhất trần.

Trong lúc Thiên chủ Sakka nói vậy, vị khổ hạnh nhận ra rằng khóc than cũng chẳng ích gì, liền ca ngợi tán thán Thiên chủ và ngâm ba vắn kệ nữa:

120. Ví như ngọn lửa nóng hừng,
Đổ thêm bơ sữa cháy bùng thật cao,
Được vòi nước lạnh tưới vào,
Ngài vừa dập tắt nổi sầu của ta.
121. Lòng ta nhức nhối xót xa,
Vì tên sầu não xuyên qua kinh hoàng,
Ngài đã chữa trị vết thương,
Và ngài hồi phục đời thường cho ta.
122. Mũi tên vừa được nhổ ra,
Lòng ta tràn ngập an hòa vui tươi,
Lắng nghe Đế-thích nhủ lời,
Ta không còn phải chơi vơi khổ sầu.

Sau khi đã khuyến giáo vị khổ hạnh như thế, Thiên chủ Sakka trở về cõi của ngài.

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, vị Trưởng lão là nhà khổ hạnh, Sa-di là con nai và Ta chính là Thiên chủ Sakka.

§373. CHUYỆN CON CHUỘT (*Mūsikajātaka*) (J. III. 215)

Bọn chúng hỏi to: Nó ở đâu...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm về Vua Ajātasattu (A-xà-thế). Chuyện này đã được kể đầy đủ trong *Chuyện vô trấu*.³³

Trong câu chuyện này, bậc Đạo sư nhìn thấy nhà vua lúc ấy vừa chơi đùa với vương tử vừa nghe pháp, Ngài biết hiểm họa sẽ xảy đến cho vua vì vương tử này, Ngài nói:

– Thừa Đại vương, vua chúa thời xưa đã nghi ngờ những gì đáng nghi ngờ, nên đã giữ các vương tử lại một nơi và bảo: “Hãy để cho các hoàng nhi cai trị đất nước sau khi thân xác chúng ta đã được hỏa táng!”

Cùng với lời trên, Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn và trở thành một giáo sư danh tiếng thế giới. Con vua xứ Ba-la-nại tên là Vương tử Yava (Lúa Mạch). Sau khi đã chuyên tâm học tập đủ mọi ngành học thuật với ngài, chàng liền nóng lòng ra đi và đến từ giả ngài. Vị giáo sư nhờ tài tiên tri biết trước rằng hiểm họa sẽ xảy ra cho vương tử do chính con trai vị ấy gây ra, liền suy xét cách thức làm thế nào diệt trừ mối hiểm họa này cho vương tử, và bắt đầu nhìn quanh để tìm một ví dụ chứng minh cho thích hợp.

Lúc bấy giờ, ngài có một con ngựa, trên chân ngựa xuất hiện một vết thương đau nhức. Con ngựa được giữ trong chuồng để ngài chăm sóc vết thương cẩn thận. Gần đó có một cái giếng. Thời ấy, một con chuột vẫn thường bạo gan bò ra khỏi lỗ để gặm chỗ vết thương ở chân ngựa. Con ngựa không thể cản nó được; và một hôm, không chịu nổi đau đớn, khi con chuột đến cắn nó, nó liền lấy móng chân đập chết con chuột và hất xác xuống giếng. Bọn chăn ngựa không thấy con chuột liền nói:

– Mọi ngày con chuột vẫn đến cắn vết thương nhưng bây giờ không còn thấy nó nữa. Nó có chuyện gì vậy?

Bồ-tát đã chứng kiến mọi việc và tự nhủ: “Người khác không biết nên hỏi: ‘Con chuột đâu rồi?’ Nhưng chỉ riêng mình ta biết con chuột đã bị ngựa giết và hất xuống giếng.” Và lấy ngay sự việc này làm ví dụ chứng minh, ngài sáng tác vần kệ đầu rồi nói cho vương tử biết.

Trong khi nhìn quanh để tìm một ví dụ chứng minh khác, ngài lại thấy cũng con ngựa ấy, khi vết thương đã lành, liền chạy thẳng đến đồng lúa mạch để ăn lúa, rồi thọc đầu vào một lỗ trên hàng rào. Ngài lấy ví dụ này làm vần kệ thứ hai và đưa cho vương tử.

Sang vần kệ thứ ba, ngài sáng tác theo trí thông minh của riêng mình và cũng đưa cho vương tử. Rồi ngài bảo:

³³ Xem J. III. 121, *Thusajātaka* (*Chuyện vô trấu*), số §338.

– Nay hiền hữu, khi bạn đã an vị trong vương quốc rồi, buổi tối bạn đi đến bồn tắm, vừa ra phía trước cầu thang vừa ngâm vắn kệ đầu. Rồi khi bạn bước vào cung thất mình cư ngụ, hãy đi đến chân cầu thang và ngâm vắn kệ thứ hai. Rồi sau đó, bạn đi lên đầu cầu thang và ngâm vắn kệ thứ ba.

Cùng với các lời này, ngài bảo chàng ra đi. Vương tử trẻ tuổi ấy về kinh đô làm phó vương, và khi vua cha băng hà, vị phó vương lên kế ngôi. Tân vương này chỉ có một hoàng nam duy nhất, đến năm mười sáu tuổi chàng đã nôn nóng muốn lên làm vua. Khi đã có ý định giết cha, vương tử báo với đám hầu cận:

– Phụ vương ta vẫn còn trẻ. Đến khi ta nhìn thấy giàn hỏa táng của ngài thì ta đã già cả kiệt lực rồi. Lúc ấy mới lên ngôi thì có ích lợi gì cho ta nữa chứ.

Bọn chúng thưa:

– Tâu Điện hạ, ngài không thể nào tính chuyện ra biên địa làm một loạn thần được. Vậy ngài phải tìm cách này hay cách khác sát hại phụ vương và chiếm lấy quốc độ.

Vương tử chấp thuận ngay, vào buổi tối cầm kiếm đứng trong cung thất vua cha gần bồn tắm, sẵn sàng giết cha mình.

Tối hôm ấy, vua sai một nữ tỳ tên là Mūsikā (Chuột) đến và bảo:

– Ngươi hãy đi chùi bồn tắm, trăm sắp đến tắm đây!

Nữ tỳ đến đó và trong lúc chùi bồn tắm, nàng bắt gặp vương tử. Sợ âm mưu có thể bại lộ, vương tử lấy kiếm chặt nàng làm đôi và ném vào bồn tắm. Vua vừa đến nơi, mọi người báo nhau:

– Hôm nay nữ tỳ Mūsikā không trở về. Nó đã đi đâu rồi nhỉ?

Vua bước đến cạnh bồn tắm và ngâm vắn kệ đầu:

123. Bọn chúng hỏi to: Nó ở đâu,
Chuột ơi, mày đã trốn nơi nào?
Việc này chỉ một mình ta biết,
Nó đã chết nằm trong giếng sâu.

Vương tử nghĩ thầm: “Vua cha đã phát giác những việc ta làm”, và vì quá kinh hãi, chàng chạy trốn về kể mọi việc cho đám hầu cận. Sau khoảng bảy tám ngày, bọn chúng lại thưa với chàng:

– Tâu Điện hạ, nếu Đại vương biết thì ngài đã không giữ yên lặng. Những điều ngài nói chỉ có thể là lời phỏng đoán mà thôi. Xin cứ hành thích ngài đi.

Vì thế một hôm, vương tử lại đứng cầm kiếm trong tay ở cầu thang. Khi vua đến, chàng cố tìm cơ hội đâm ngài. Ngài vừa bước vừa ngâm vắn kệ thứ hai:

124. Giống như con vật đẩy xe đi,
Ngươi cứ xoay qua lại trở về,
Ngươi đã giết xong con chuột ấy,
Nay thêm ăn lúa mạch, ta nghĩ.

Vương tử nghĩ thầm: “Phụ vương đã thấy ta” và kinh hoàng chạy trốn. Nhưng sau nửa tháng, chàng lại nghĩ: “Ta quyết giết phụ vương bằng một nhát xẻng.” Thế là chàng lấy một dụng cụ giống như cái muỗng có cán dài và cầm nó sẵn sàng, đứng đợi. Rồi vua lên đến đầu cầu thang và ngâm vãn kệ thứ ba:

125. Người là thằng nhãi quá ngu ngơ,
N như món đồ chơi với trẻ thơ,
Cầm vật cán dài hình chiếc muỗng,
Thằng kia, ta quyết giết bây giờ.

Hôm ấy, không thể nào trốn thoát được nữa, vương tử bò lết đến dưới chân phụ vương và thưa:

– Xin phụ vương tha mạng cho con!

Sau khi xem xét vương tử, vua truyền trói chàng lại bằng dây xích và thả vào ngục tối. Rồi trong lúc ngự trên vương tòa nguy nga lộng lẫy có che lọng trắng, ngài phán:

– Bậc thầy Bà-la-môn lòng danh của ta đã tiên đoán mỗi hiểm họa này xảy ra cho ta nên đã ban tặng ta ba vần kệ này.

Lòng tràn đầy hân hoan, trong lúc cảm hứng khởi lên cao độ, ngài ngâm nga luôn các vần kệ còn lại:

126. Ta chưa giải thoát tự do,
Bằng đường lạc thú an cư cõi trời,
Hoặc nhờ hiếu hạnh sáng ngời,
Đến khi con trẻ toan đòi mạng ta,
Cứu nguy nhờ mấy vần thơ.

127. Vậy cần học hỏi suy tư mọi điều,
Xét xem ý nghĩa cao siêu,
Dẫu chưa dùng cũng lợi nhiều ngày sau,
Những lời nghe được đã lâu.

Về sau, khi vua băng hà, vương tử được đưa lên ngôi báu.

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và nhận diện tiền thân:

– Thời bấy giờ, vị giáo sư lòng danh chính là Ta.

§374. CHUYỆN CHÀNG TIÊU XẠ THỦ (*Culladhanuggahajātaka*)³⁴ (J. III. 219)

Bờ kia chàng đã bước lên...

³⁴ Tham chiếu: J. III. 58, *Kaṇaverajātaka* (Chuyện vòng hoa kanavera), số §318; Dh. v. 252; Xuất diệu kinh “Quán phẩm” 出曜經觀品 (T.04. 0212.28. 0736b06); Pháp tập yếu tụng kinh “Quán sát phẩm” 法集要頌經觀察品 (T.04. 0213.27. 0791b03).

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự cảm dỗ một vị Tỷ-kheo do người vợ cũ của thời chưa xuất gia tu tập.

Khi vị Tỷ-kheo thú nhận chính vì người vợ này mà vị ấy đã từ bỏ hội chúng và hối tiếc việc xuất gia, bậc Đạo sư bảo:

– Nay Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ nữ nhân này mới làm hại ông. Ngày xưa cũng vậy, chính vì người này mà ông đã bị chặt đầu.

Rồi theo lời thỉnh cầu của chư Tăng, Ngài kể chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm Thiên chủ Sakka. Thuở ấy, một thanh niên Bà-la-môn ở Ba-la-nại đã học xong mọi học thuật ở Takkasilā, và sau khi thiện xảo môn bắn cung, chàng nổi danh là Tiểu xạ thủ thông minh. Lúc ấy, vị giáo sư nghĩ thầm: “Thanh niên này đã đạt kỹ năng bằng ta”, rồi đem gả con gái cho chàng. Chàng cưới vợ xong, lại muốn trở về Ba-la-nại, liền khởi hành.

Nửa đường có con voi tàn phá một vùng nọ, nên không ai dám đi lên chỗ ấy. Chàng Tiểu xạ thủ thông minh kia cứ đem vợ cùng trèo lên đường vào rừng, mặc dù mọi người cố cản ngăn. Khi chàng đến giữa rừng, con voi xuất hiện tấn công chàng. Chàng xạ thủ bắn một mũi tên vào trán voi xuyên thủng ra phía sau đầu nó, con voi ngã xuống chết ngay tại chỗ.

Sau khi làm cho nơi ấy bình an, chàng lại lên đường qua cánh rừng khác. Tại đó, năm mươi tên cướp đang phá hoại xa lộ. Cũng trên nơi này, mặc dù nhiều người cố ngăn cản, chàng cứ trèo lên cho đến khi tìm thấy một nơi bằng phẳng, bọn cướp đã giết nai đem nướng và ăn thịt sát bên xa lộ. Bọn cướp thấy chàng đi đến với cô vợ phục sức sang trọng rực rỡ, liền cố hết sức bắt lấy chàng.

Tên tướng cướp có tài đoán được tính tình người khác, chỉ vừa liếc nhìn chàng, đã nhận ra chàng là một anh hùng lỗi lạc, nên không chịu để cho bọn chúng nổi dậy chống lại chàng, dù chàng chỉ đơn thân độc kiếm. Còn chàng xạ thủ thông minh bảo vợ đi đến bọn cướp và dặn:

– Nàng hãy đến bảo với bọn chúng cho ta một miếng thịt và đem về cho ta.

Thế là nàng đi đến và bảo:

– Cho tôi một miếng thịt.

Tướng cướp nói:

– Ông ấy là người quý tộc đây.

Và y bảo bọn cướp cho nàng một miếng thịt. Bọn kia đáp:

– Sao? Nó lại đòi ăn thịt nướng của ta ư?

Rồi bọn chúng cho nàng một miếng thịt sống. Chàng xạ thủ vốn tự cao về mình, liền nổi giận vì bọn cướp cho chàng thịt sống. Bọn chúng bảo:

– Sao nữa? Chỉ mình nó là nam nhi, còn chúng ta là nữ nhi ư?

Thế là vừa hăm dọa chàng, chúng vừa vùng lên chống phá chàng. Chàng xạ thủ bắn trọng thương ngã xuống đất bốn mươi chín tên cướp, trừ một tên, vì chàng không còn mũi tên nào để bắn tướng cướp kia. Trước đó, trong bao tên của chàng chỉ có năm mươi mũi tên, chàng đã dùng một mũi tên bắn chết con voi, nay chỉ còn số tên đủ để bắn cả bọn trừ một người. Vì thế, chàng đá tướng cướp xuống đất, ngồi trên ngực y và bảo vợ mang kiếm đến để chặt đầu y. Ngay lúc ấy, nàng bỗng đem lòng say mê tướng cướp, liền đặt chuôi kiếm vào tay y và vỏ kiếm vào tay chồng nàng. Tướng cướp chụp chuôi kiếm, đưa kiếm ra và chặt đầu chàng xạ thủ.

Sau khi giết chồng nàng xong, tướng cướp chiếm lấy người vợ và trong khi cả hai cùng lên đường, tướng cướp hỏi nguồn gốc, nàng bảo:

– Em là con gái của một giáo sư danh tiếng lấy lòng thế gian ở Takkasilā.

Y hỏi:

– Bằng cách nào hấn lấy nàng làm vợ được?

Nàng đáp lại:

– Cha em rất hài lòng vì hấn đã học được mọi nghệ thuật như bậc thầy nên đem em gả cho hấn. Và vì em yêu chàng nên em để chàng giết chồng hợp pháp của mình.

Tướng cướp suy nghĩ: “Nữ nhân này giờ đây đã giết chồng hợp pháp của nó. Vậy khi thấy một đàn ông khác, nó cũng sẽ đối xử với ta như vậy. Ta phải từ bỏ nó mới được.” Khi lên đường, tướng cướp thấy con đường bị chặn ngang bởi con suối nhỏ thường ngày, nay lại ngập nước, y bảo:

– Nay ái nường, có con cá sấu hung dữ trong suối này. Ta phải làm sao bây giờ?

Nàng đáp:

– Tướng quân ôi, xin lấy hết nữ trang em đang đeo buộc thành một bó trong áo chàng, đem sang bên kia bờ suối rồi trở lại đây đưa em qua.

Y đáp lại:

– Tốt lắm.

Rồi cầm hết nữ trang của nàng, lội xuống dòng suối như thể một kẻ hết sức vội vàng, y đã lên bờ bên kia, bỏ rơi nàng và chạy trốn. Thấy vậy nàng kêu to:

– Lang quân ơi, chàng đi như thể chàng sắp bỏ em vậy. Sao chàng lại làm thế? Hãy trở lại đem em cùng đi!

Và nàng ngâm vãn kệ đầu bảo:

128. Bờ kia chàng đã bước lên,
Với bao tài sản của em góp thành,
Mau mau quay trở lại nhanh,
Mang em qua với bạn tình, chàng ơi!

Tướng cướp nghe nàng nói trong lúc y đứng ở bờ bên kia, liền ngâm vãn kệ thứ hai:

129. Ý nàng đòi đổi nhất thời,
Từ lòng chung thủy luyện tôi bao lần,
Đến màn tình ái lỏng bông,
Chóng chầy nàng cũng thay lòng phản ta,
Nếu ta không kịp chạy xa,
Từ đây nàng hối, đòi ta chia lìa.

Nhưng khi tướng cướp bảo:

– Ta quyết đi đây, nàng cứ ở lại nơi này.

Nàng thì kêu gào than khóc, còn y chạy trốn với tài sản tư trang của nàng. Đó là số phận dành cho kẻ đại khờ tội nghiệp vì quá si mê tình ái.

Bỗng nhiên lâm cảnh bơ vơ khôn đốn như thế, nàng đành đến gần một bụi cây quế và ngồi khóc. Lúc ấy, Thiên chủ Sakka nhìn xuống trần gian, thấy nàng đắm say dục vọng, giờ đây than khóc vì mất cả phu quân lẫn tình lang. Nghĩ rằng ngài sẽ đi khiển trách nàng và khiến cho nàng biết hổ thẹn, ngài đem Mātali (thần lái thiên xa) và Pañcasikha (nhạc thần Ngũ kế) cùng đến bên bờ suối và bảo:

– Nay Mātali, ngươi sẽ biến thành con cá, Pañcasikha sẽ biến thành con chim và ta sẽ biến thành chó rừng. Rồi ngậm một miếng thịt, ta sẽ đi đến trước nữ nhân kia và khi Mātali thấy ta ở đó thì phải nhảy ra khỏi nước, rớt ngay trước mặt ta, ta sẽ nhả miếng thịt đã ngậm trong miệng và nhảy lên chụp con cá. Vừa lúc ấy, Pañcasikha phải nhào đến chụp miếng thịt và bay lên không, còn Mātali lặn ngay xuống nước.

Thiên chủ Sakka dạy bảo các vị thần như thế, các vị đáp:

– Tốt lành thay, tâu Thiên chủ!

Mātali liền biến thành con cá, Pañcasikha biến thành con chim và Sakka biến thành chó rừng. Vừa ngậm miếng thịt trong mồm, ngài đi đến ngay trước nữ nhân. Con cá nhảy lên khỏi nước rơi mình xuống trước mặt chó rừng. Chó thả miếng thịt đang ngậm trong mồm, vùng lên bắt cá. Con cá nhảy nữa và rơi xuống nước, còn con chim chụp lấy miếng thịt bay vụt lên không. Như vậy, chó rừng mất cả thịt lẫn cá và ngồi ủ rũ nhìn về phía bụi quế. Nữ nhân thấy thế liền bảo:

– Vì quá tham lam nên chó mất cả thịt lẫn cá.

Và như thế nàng đã thấy rõ ý nghĩa trò đời trớ trêu này, nàng bật cười giòn giã. Chó rừng nghe thế, liền ngâm vãn kệ thứ ba:

130. Ai làm bụi quế ngân nga,
Tiếng cười, dù chẳng múa ca tiệc tùng,
Vỗ tay thích thú, hồng nhan,
Đừng cười khi phải khóc than buồn phiền.

Nghe vậy, nàng ngâm vãn kệ thứ tư:

131. Chó ngu, mày phải ước nguyện,
Giá đừng mất cá, thịt liền một khi,
Đồ ngu phải biết sâu bi,
Những gì xảy đến, ngu si do mày!

Chó rừng liền đáp vãn kệ thứ năm:

132. Lỗi người dễ thấy lắm thay,
Chắc là khó thấy: “Lỗi này của tôi.”
Nàng nên tính giá thiệt thòi,
Khi nàng mất hết cả đôi bạn đời.

Nghe thế, nàng lại đáp vãn kệ này:

133. Cầu vương quá đúng như lời,
Nên ta quyết chí vội dời chân nhanh,
Để tìm thêm bạn chung tình,
Cổ làm người vợ trung thành khó chi!

Khi ấy, Thiên chủ Sakka nghe những lời nói của nữ nhân bạc ác vô hạnh kia, liền ngâm vãn kệ cuối cùng:

134. Kẻ nào ăn trộm cái ghè,
Sẽ còn ăn trộm mai kia nồi đồng,
Người gây tai họa cho chồng,
Vẫn tàn tệ vậy, hoặc còn tệ hơn!

Lời Thiên chủ Sakka làm cho nàng phải hổ thẹn và hối hận ăn năn, rồi sau đó ngài trở về cõi của ngài.

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại rồi tuyên thuyết các sự thật. Vào lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã đắc Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Tỷ-kheo thối thất này là chàng xạ thủ, người vợ mà vị ấy đã rời bỏ là nữ nhân kia, và Ta chính là Thiên chủ Sakka.

§375. CHUYỆN CHIM BÒ CÂU (*Kapotajātaka*)³⁵ (J. III. 224)

Ta đây mạnh khỏe, dạ an vui...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo tham lam.

Chuyện vị Tỷ-kheo tham lam này đã được kể đầy đủ theo nhiều cách. Ở đây, bậc Đạo sư hỏi có thật ông tham lam chẳng, và khi ông thú nhận quả đúng thế, Ngài bảo:

³⁵ Xem J. I. 241, *Kapotajātaka* (Chuyện chim bò câu), số §42; J. II. 360, *Lolajātaka* (Chuyện tham ăn), số §274.

– Này Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngày xưa nữa, ông cũng tham lam và đã chết vì lòng tham ấy.

Nói xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm bò câu con và sống trong lồng kết bằng liễu gai ở nhà bếp của một phú thương thành Ba-la-nại.

Bấy giờ, một con quạ thèm ăn cá thịt lại làm bạn với bò câu này và sống cùng chỗ ấy. Một hôm, nó chợt thấy nhiều cá thịt liền nghĩ: “Ta sẽ ăn đám cá thịt này”, rồi nằm xuống rên rỉ trong lồng. Khi bò câu đến bảo:

– Này bạn, ta cùng bay nhanh ra tìm mồi.

Quạ từ chối đáp:

– Tôi đang bị ốm liệt vì cơn đau bụng do bội thực, bạn đi đi.

Khi bò câu khuất dạng, quạ tự nhủ: “Kẻ thù hay quấy phá ta đã đi rồi. Bây giờ ta muốn ăn thịt cá tùy thích.” Nghĩ vậy, quạ ngâm vãn kệ đầu:

135. Ta đây khỏe mạnh, dạ an vui,
Vì chú bò câu đã biến rồi,
Ta muốn làm cơn thèm dịu xuống,
Rau thơm cùng thịt khỏe thêm người!

Vì thế, khi người đầu bếp chiên cá thịt xong, vừa bước ra khỏi bếp vừa chùi mồ hôi chảy ròng ròng, con quạ nhảy ra khỏi tổ và giấu mình trong chậu gia vị. Chậu ấy phát ra tiếng “cạch” khiến người đầu bếp vội quay lại, tóm lấy con quạ vớt hết lông. Rồi ông ta xay một ít gừng tươi và hạt cải trắng, giã chung với chà là thối, bôi lên khắp mình con quạ, vừa xát mạnh thân nó với một mảnh sành làm cho nó bị thương nặng. Sau đó, ông ấy lấy sợi dây treo mảnh sành lên cổ nó rồi lại ném vào thúng và bỏ đi.

Khi bò câu trở về thấy quạ, liền bảo:

– Ông hạc nào đây lại nằm trong thúng của bạn thân ta đó kìa? Bạn ta tính tình nóng nảy sẽ về giết chim lạ mặt này ngay.

Nói đùa thế xong, bò câu ngâm vãn kệ thứ hai:

136. Con mây này với chiếc mào cao,
Ngài chiếm chỗ chim bạn tớ sao?
Ông hạc đến đây, thân hữu quạ,
Tính tình nóng nảy, biết không nào?

Quạ nghe vậy liền ngâm vãn kệ thứ ba:

137. Bạn cứ cười to trước cảnh này,
Ta lâm hoạn nạn đáng thương thay!

Hỏa đầu quân vật lông trần trụi,
 Gia vị chà là thối tằm đầy.

Bồ câu vẫn còn muôn đũa, liên ngâm vẫn kệ thứ tư:

138. Tắm sạch dầu thơm xát ngạt ngào,
 No say ăn uống thỏa đường bao!
 Cổ ông sáng chói đồ trang sức,
 Ông đến Ba-la-nại đó sao?

Quạ ngâm tiếp vẫn kệ thứ năm:

139. Bạn thiết hay cừ địch của ta,
 Chớ đi Ba-la-nại bây giờ!
 Mình trần chúng vật còn trêu ghẹo,
 Buộc mảnh sành trên ngực ấy mà!

Bồ câu nghe vậy, ngâm vẫn kệ cuối cùng:

140. Bỏ các thói hư tật xấu kia,
 Tính tình như quạ khó làm ghê!
 Chim nên thận trọng bay xa lánh,
 Thực phẩm loài người ăn thỏa thuê.

Sau khi khiển trách quạ xong, bồ câu không ở lại đó nữa mà giương đôi cánh bay đi nơi khác. Nhưng quạ chết ngay tại chỗ.

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và tuyên thuyết các sự thật. Vào lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo tham lam đã đắc quả Bất lai. Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thuở ấy, con quạ là Tỷ-kheo tham lam này và bồ câu chính là Ta vậy.



